

ĐỀ 01
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: (1 điểm) a) Số liền sau của 39 999 là:

- A. 40 000 B. 40 998 C. 39 998 D. 40 100

b) Số lớn nhất trong các số: 8 576; 8 756; 8 765; 8 675 là:

- A. 8 576 B. 8 756 C. 8 765 D. 8 675

Câu 2: (0,5 điểm) Hình vuông có cạnh 9cm. Diện tích hình vuông là:

- A. 36cm² B. 81cm C. 81cm² D. 36cm

Câu 3: (0,5 điểm) Hình chữ nhật ABCD có chiều dài 6 dm, chiều rộng 4 cm. Chu vi của hình chữ nhật là:

- A. 128 cm B. 20 cm C. 24 cm² D. 24 cm

Câu 4: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

- a) 32550 – 13243 b) 84 695 + 2 367 c) 1 041 x 7 d) 24 672 : 6

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
Câu 5: (0,5 điểm) Khoanh vào kết quả đúng:

Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm để 6m 7cm = cm là:

- A. 67 B. 607 cm C. 670 D. 607

Câu 6: (1 điểm) Điền vào chỗ

..... – 12357 = 14 236 : 7 = 42147

Câu 7: (0,5 điểm) Làm tròn số 15 567 đến hàng chục nghìn ta được số

Câu 8: (2 điểm) Một đội công nhân phải sửa quãng đường dài 4 215 m, đội đó đã sửa được $\frac{1}{3}$ quãng đường. Hỏi đội công nhân đó còn phải sửa bao nhiêu mét đường nữa?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9: (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức:

$$5406 \times 2 \times 4$$

$$(40\,000 - 5000) : 7$$

.....

.....

.....

Câu 10: (1 điểm) Túi thứ nhất đựng được 18 kg gạo, túi thứ hai đựng được gấp 3 lần túi thứ nhất. Hỏi cả hai túi đựng được tất cả bao nhiêu kg gạo?

Giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11: Tìm 1 số biết rằng lấy số nhỏ nhất có 5 chữ số khác nhau chia cho số đó thì được thương là 9 dư 1.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 02
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Bài 1: (0,25 đ) Số 54 175 đọc là:

- A. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy mươi năm
B. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy mươi lăm
C. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy

Bài 2:(0,25 đ) Số liền sau của 78 409 là:

'8 408 8 419 8 410 '8 510

Bài 3:(0,25 đ) Một năm có bao nhiêu tháng?

1 tháng 0 tháng 2 tháng 4 tháng

Bài 4:(0,25 đ) **VI; IV; XI; IX.** Số nào lớn nhất?

A. IV B. VI C. IX D. XI

Bài 5. (0,5 đ) Tổng của số lớn nhất có ba chữ số và số nhỏ nhất có ba chữ số là:

A. 1 100 B. 1 109 C. 1 099 D. 10 009

Bài 6: (0,5 đ) Thời gian từ 7 giờ đến 8 giờ kém 15 phút là:

A. 15 phút B. 30 phút C. 35 phút D. 45 phút

Bài 7:(0,5 đ) Đoạn thẳng MN dài 16cm. O là trung điểm của đoạn thẳng MN. Vậy đoạn MO dài là:

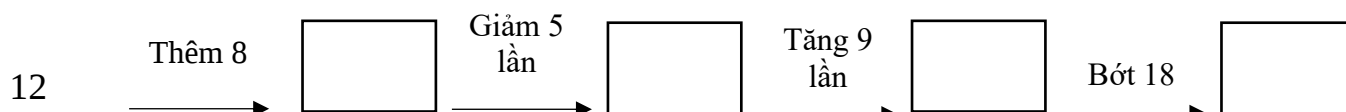
A. 32cm B. 16cm C. 8cm D. 6cm

Bài 8: (0,5 đ) Chu vi hình vuông có cạnh dài 50cm là:

A. 2dm B. 20cm C. 200dm D. 200cm

Bài 9:(0,5 đ) ? x 6 = 236 + 52. Giá trị của ? là:

Bài 10:(1 đ) Viết số thích hợp vào ô trống:



Bài 11: (1đ) Bốn bạn Lan, Liên, Hoa, Hà có cân nặng theo thứ tự là 46kg, 35kg, 42kg, 34kg

Dựa vào số liệu trên, điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Bạn Liên cân nặng Bạn Hà cân nặng.....

b) Bạn nặng nhất. Bạn nhẹ nhất và hai bạn này hơn kém nhau kg.

Bài 12: (0,5 đ) Viết kết quả vào ô trống: Khối lớp ba đồng diễn thể dục. Nếu xếp hàng ngang thì được 10 hàng, mỗi hàng 9 em. Hỏi nếu xếp 6 hàng dọc thì mỗi hàng có bao nhiêu em?

Trả lời: Nếu xếp 6 hàng dọc thì mỗi hàng cóem.

PHẦN II. Giải các bài tập sau:

Bài 1. (1đ) Đặt tính rồi tính:

$$3\,946 + 3\,524$$

$$8\,253 - 5\,739$$

$$5\,607 \times 4$$

$$40\,096 : 7$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. (1đ) Điền dấu thích hợp vào ô trống:

$$\frac{1}{6} \text{ giờ } \square 12 \text{ phút}$$

$$3\text{kg } 50\text{g } \square 3\,500\text{g}$$

$$56\text{m } 8\text{cm } \square 5\,608\text{cm}$$

$$4\text{m } \square 4\,000\text{mm}$$

Bài 3. (1,5đ) Một hình chữ nhật có chiều dài 12cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. (0,5đ) Em hãy kẻ thêm 2 đoạn thẳng vào hình chữ nhật sau để được 4 hình tam giác.



ĐỀ 03

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Số liền sau của 35789 là: **(0,5đ)**

- A. 35787 B. 35788 C. 35780 D. 35790

Câu 2. Mỗi quyển vở giá 3500 đồng. Lan mua 4 quyển vở hết số tiền là: **(0,5đ)**

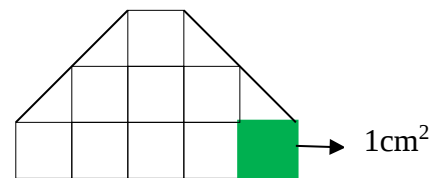
- A. 15000 đồng B. 14000 đồng C. 7500 đồng D. 13000 đồng

Câu 3. Một hình chữ nhật có chiều dài 15cm, chiều rộng 8cm. Chu vi của hình chữ nhật đó là: **(0,5đ)**

- A. 46 cm B. 14 cm C. 120 cm D. 46 cm²

Câu 4. Diện tích của hình A là: **(0,5đ)**

- A. 9cm² B. 10 cm²
C. 11 cm² D. 11 cm



Câu 5. Tính: $750 \text{ g} : 5 + 850 \text{ g} = \dots \text{ g}$

Số cần điền vào chỗ chấm là: **(0,5đ)**

- A. 150g B. 170g C. 95 g D. 1000 g

Câu 6. Chu vi hình vuông là 20 m cạnh của chúng là: **(0,5đ)**

- A. 80m B. 5m C. 4m D. 16m

Câu 7. Tìm số bị chia, biết số chia là 3, thương là 18, số dư là số dư lớn nhất có thể có. **(1đ)**

- A. 56 B. 54 C. 52 D. 50

II. Tự luận: (6 điểm)

Bài 1. a. Điền vào **(0,5đ)**

..... : 5 = 2 645 – 1 805

b. Tính giá trị biểu thức: **(0,5đ)** $46\,840 - 850 \times 7$

.....
.....

Bài 2: Đặt tính rồi tính: **(2đ)**

$36807 + 53069$

$76483 - 15456$

10814×6

$92648 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. 28m vải may được 7 bộ quần áo như nhau. Hỏi may 16 bộ quần áo như thế hết bao nhiêu mét vải? **(2đ)**

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Tìm một số, biết rằng số đó nhân với 6 thì bằng 33 cộng với 15. **(1đ)**

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 04

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Làm tròn số 21 468 đến hàng nghìn

A. 21000

B. 22000

C. 213500

D. 21460

Câu 2: “2 l = ml”. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là: (ĐỂ NHẦM LÍT VỚI SỐ 1)

A. 10

B. 500

C. 2000ml

D. 1 000

Câu 3: Số liền sau của số 99 999 là số nào?

A. 90001

B. 14449

C. 100000

D. 10000

Câu 4: Một hình chữ nhật có chiều dài 12 cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Diện tích hình chữ nhật đó.

A. 72cm

B. 36cm

C. 66

D. 75

Câu 5: Số liền sau của số 99 999 là số nào?

A. 90001

B. 14449

C. 100000

D. 10000

Câu 6. Số XXI là?

A. 10

B. 21

C. 14

D. 13

Câu 7. Chọn số thích hợp với cách đọc: Chín nghìn ba trăm sáu mươi chín là?

A. 9 302

B. 2 209

C. 9 369

D. 4 767

Câu 8: Giá trị của biểu thức : $2 \times (1450 + 1658)$ là:

A. 6216

B. 3200

C. 3000

D. 6162

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. Đặt tính rồi tính

13628 + 34845

7668 - 5809

3418 x 3

12725 : 3

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Điền vào dấu

.....: 2 = 5427

Câu 11: Ao cá thứ nhất thả 5125 con, ao cá thứ 2 thả gấp 3 lần ao cá thứ nhất. Hỏi cả hai ao thả bao nhiêu con cá?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 12: a, Tính nhanh: $24 \times 5 + 24 \times 3 + 24 \times 2$

.....
.....
.....
.....
.....

b, Tìm số bị chia, biết số chia là 8 và thương là số lớn nhất có hai chữ số và số dư là số lớn nhất.

.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 05

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Số 13 được viết bằng chữ số La Mã là:

- A. XIII B. XIV C. XIIV D. IIIX

Câu 2: Điền dấu: >, <, = vào ô trống:

A. $76\ 635 \square 76\ 653$ C. $47\ 526 \square 47\ 520 + 6$

B. $18\ 536 \square 17\ 698$ D. $92\ 569 \square 92\ 500 + 70$

Câu 3: $3\text{ km } 6\text{ m} = \dots\dots\dots \text{ m}$

- A. 3006 B. 3600 C. 306 D. 360

Câu 4: 1 giờ 15 phút = ... phút

- A. 115 phút B. 615 phút C. 75 phút D. 65 phút

Câu 5: Hình vuông ABCD có cạnh dài 5cm. Chu vi của hình vuông là?

- A. 20 cm B. 10 cm C. 25 cm^2 D. 25 cm

Câu 6: Số lớn nhất trong các số: 8 576 ; 8 756 ; 8 765 ; 8 675 là:

- A. 8 576 B. 8 765 C. 8 756 D. 8 675

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 7: Đặt tính rồi tính:

$13\ 680 + 25306$ $27648 - 14545$ $23\ 432 \times 4$ $45\ 321 : 5$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tính giá trị biểu thức

a) $9\,015 \times 3 : 5$

b) $7\,542 + 1376 \times 8$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9: Câu 17: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 5 m. Tính chu vi mảnh đất đó, biết rằng mảnh đất có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: Tìm một số biết rằng lấy số đó chia cho 5 được 1564 và số dư lớn nhất.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 06**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026****(Thời gian làm bài: 40 phút)**

Họ tên HS: Lớp:

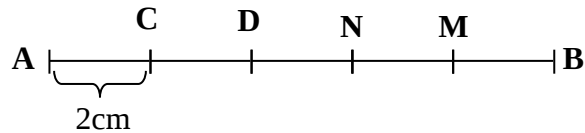
Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:****Câu 1:** (0,5 điểm) Số liền trước của số 19890 là:

- A. 19891 B. 19890 C. 18900 D. 19889

Câu 2: (0,5 điểm) Trong hình vẽ trên:

- A. C là trung điểm của đoạn AD
B. C là trung điểm của đoạn AN
D. N là trung điểm của đoạn AM

**Câu 3:** (0,5 điểm) Đường kính của một hình tròn là 60 cm thì bán kính của hình tròn đó là:

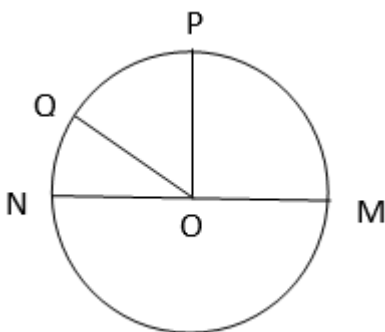
- A. 30cm B. 120 cm C. 20 cm D. 240 cm

Câu 4: (0,5 điểm) Nếu ngày 28 tháng 4 là thứ Ba thì ngày 1 tháng 5 cùng năm đó là:

- A. Thứ Hai B. Thứ Sáu C. Thứ Năm D. Chủ nhật

Câu 5: (0,5 điểm) Hình chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng 6cm. Chu vi hình chữ nhật đó là:

- A. 14 cm B. 16 cm C. 28 cm D. 38 cm

Câu 6: (0,5 điểm) Đường kính trong hình tròn là:

- A. OQ B. MN C. OP D. ON

II. TỰ LUẬN (7 điểm)**1. Viết vào chỗ chấm: (1 điểm)** Hãy viết các số II, VI, V, VII, IV, IX.

- a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....
- b) Theo thứ tự lớn đến bé:.....

2. Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

a. $45\,367 + 6123$

b. $98\,746 - 12\,253$

c. $10\,984 \times 3$

d. $57\,899 : 7$

3. Tính giá trị của biểu thức: (1 điểm)

a. $56\,037 - (35\,154 - 1725)$

b. $69218 - 26736 : 3$

4. Điền dấu > ; < ; = (1 điểm)

a) $1\text{km} \dots\dots\dots 999\text{m}$

c) $560 : 7 \times 8 \dots\dots\dots 1000 - 360$

b) $300\text{g} + 700\text{g} \dots\dots\dots 1\text{kg}$

d) $440 + 100 : 2 \dots\dots\dots 500$

5. Điền số: ? (1 điểm)

$2009 - \dots\dots\dots = 1345$

$8 \times \dots\dots\dots = 72\,816$

$8 \times \dots\dots\dots = 72\,816$

6. Có 9638m vải, may mỗi bộ quần hết 3m. Hỏi có thể may được tất cả bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải? (2 điểm)

Bài giải

ĐỀ 07**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026**

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:**Câu 1.** a. Số gồm 1 chục nghìn, 5 nghìn, 6 trăm, 9 chục và 3 đơn vị viết là:

A. 15693 B. 6593 C. 15639 D. 5963

b. Cặp số cần điền vào chỗ chấm là: 58100, 58200, 58300,,

A. 58300, 58400 B. 58200, 58300
C. 58400, 58500 D. 58400, 58600**Câu 2.** Một cửa hàng bán gạo ngày chủ nhật bán được 280 kg, ngày thứ hai bán được gấp đôi ngày chủ nhật. Hỏi cả hai ngày bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

A. 2 560 kg B. 2 460 kg C. 840 kg D. 3 840 kg

Câu 3. Làm tròn số 29873 đến hàng trăm ta được:

A. 29860 B. 29900 C. 29800 D. 30000

Câu 4. Bạn Nam đi học từ nhà lúc 6 giờ 5 phút và đến trường lúc 6 giờ 55 phút. Hỏi bạn Nam đi từ nhà đến trường hết bao nhiêu phút

A. 20 phút B. 30 phút C. 40 phút D. 50 phút

Câu 5. Số liền sau của số 99 999 là số nào?

A. 90 001 B. 14 449 C. 100 000 D. 10 000

Câu 6. Điền số?

Một mảnh bìa hình chữ nhật có chiều dài 18 cm, chiều rộng 5cm. Tính diện tích mảnh bìa đó?

Đáp số: Diện tích:

PHẦN 2. TỰ LUẬN. (6 điểm)**Câu 7.** (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức.

$$4675 + 3518 - 5946$$

$$(274 + 518) : 4$$

.....
.....
.....**Câu 8:** (2 điểm) Đặt tính rồi tính

$$3\,846 + 4\,73$$

$$58\,632 - 25\,434$$

$$7\,215 \times 3$$

$$41304 : 8$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. (2 điểm). Trong ba tháng đầu năm, một nhà máy sản xuất đồ chơi đã sản xuất được 24 500 xe ô tô. Tháng 1 nhà máy bán đi 10 600 xe ô tô, tháng 2 nhà máy bán đi 9500 xe ô tô. Hỏi nhà máy còn lại bao nhiêu xe ô tô đồ chơi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. (1 điểm) Điền vào chỗ chấm

2 ngày 6 giờ =giờ

2 giờ 40 phút =phút

1 tuần 3 ngày =ngày

1 năm 4 tháng =tháng

ĐỀ 08
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

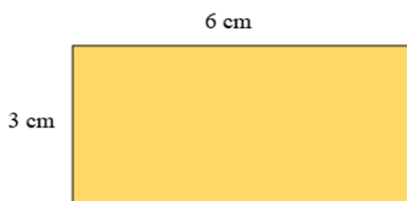
Câu 1: Số IV được đọc là:

- A. Mười lăm B. Một năm C. Bốn D. Sáu

Câu 2. Số 3 048 làm tròn đến chữ số hàng chục ta được số:

- A. 3 050 B. 3 040 C. 3 000 D. 3 100

Câu 3: Tính diện tích hình chữ nhật có độ dài các cạnh được cho trong hình vẽ dưới đây.



- A. 9 cm B. 18 cm C. 9 cm² D. 18 cm²

Câu 4. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 5 m, chiều dài gấp 9 lần chiều rộng. Diện tích của hình chữ nhật đó là:

- A. 14 m² B. 50 m² C. 225 m² D. 100 m²

Câu 5. Tháng nào sau đây có 31 ngày?

- A. Tháng 2 B. Tháng 4 C. Tháng 9 D. Tháng 12

Câu 6. a. Chữ số 7 trong số 54 766 có giá trị là:

- A. 70 B. 700 C. 7 000 D. 7

b. Số gồm 1 chục nghìn, 5 nghìn, 6 trăm, 9 chục và 3 đơn vị viết là:

- A. 15693 B. 6593 C. 15639 D. 5963

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 7. (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức.

$$(14675 + 3518) \times 5$$

$$274 + 7780 : 4$$

.....
.....

Câu 8: Đặt tính rồi tính

$13\,567 + 36\,944$

$58\,632 - 25\,434$

$20\,092 \times 4$

$97\,075 : 5$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Trang trại của bác Hòa có 4 khu nuôi gà, mỗi khu có khoảng 1 500 con. Hôm nay, sau khi bán đi một số gà thì trang trại của bác còn lại 2800 con. Hỏi bác Hòa đã bán đi bao nhiêu con gà?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Tìm hiệu của số lớn nhất có 5 chữ số khác nhau và số lớn nhất có 4 chữ số?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 09**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026****(Thời gian làm bài: 40 phút)**

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:****Câu 1.** Minh có 5 tờ tiền mệnh giá 20 000 đồng. Số tiền Minh có là:

- A. 25 000 đồng B. 50 000 đồng C. 100 000 đồng D. 150 000 đồng

Câu 2. “2 giờ = phút”. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 60 B. 180 C. 90 D. 120

Câu 3. Phép chia nào dưới đây có số dư là 1

$$15\,247 : 5$$

$$23\,016 : 4$$

$$12\,364 : 3$$

$$58\,110 : 9$$

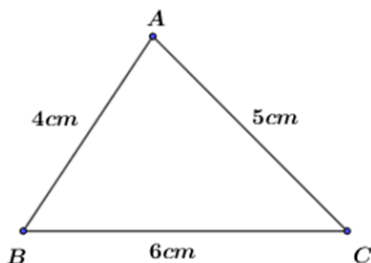
- A.
- $15\,247 : 5$
- B.
- $23\,016 : 4$
-
- C.
- $12\,364 : 3$
- D.
- $58\,110 : 9$

Câu 4. Ngày 6 tháng 6 năm 2022 là Thứ Hai. Vậy Thứ Hai tiếp theo của tháng 6 vào ngày nào?

- A. Ngày 10 B. Ngày 11 C. Ngày 12 D. Ngày 13

Câu 5. Số gồm 2 chục nghìn, 3 nghìn, 8 trăm, 5 chục và hai đơn vị viết là:

- A. 32 852 B. 23 582 C. 32 258 D. 23 852

Câu 6. Chu vi tam giác ABC là:

- A. 15 cm B. 10 cm C. 12 cm D. 13 cm

Phần 2. Tự luận**Câu 1.** Đặt tính rồi tính

$$12\,479 + 58\,371$$

$$54\,679 - 36\,198$$

$$27\,061 \times 3$$

$$52\,764 : 4$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tính giá trị biểu thức

a) $24368 + 15336 : 3$	b) $2 \times 45000 : 9$
=	=
=	=

Câu 9. Hôm qua bác Tâm thu hoạch được 13 500 kg nhãn, hôm nay thu hoạch được ít hơn hôm qua 700 kg. Hỏi cả hai ngày bác Tâm thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam nhãn?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Tìm một số, biết lấy số đó chia cho 5 thì được thương là 308 và số dư là số dư lớn nhất.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 10
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Số 36 525 đọc là:

- A. Ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi lăm.
B. Ba mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi lăm.
C. Ba sáu năm hai năm.
D. Ba mươi sáu nghìn năm hai năm.

Câu 2. a. Chữ số 7 trong số 54 766 có giá trị là:

- A. 70 B. 700 C. 7 000 D. 7

Câu 3. Làm tròn số 83 240 đến hàng chục nghìn ta được số:

- A. 83 000 B. 90 000 C. 80 000 D. 80 300

Câu 4. Số liền trước của số 10 001 là số nào?

- A. 10 002 B. 10 011 C. 10 000 D. 20 001

Câu 5. a. Tháng nào sau đây có 30 ngày?

- A. Tháng Năm B. Tháng Mười hai C. Tháng Ba D. Tháng Sáu

b. Đồng hồ dưới đây chỉ mấy giờ?



- A. 10 giờ 10 phút B. 10 giờ 5 phút
C. 9 giờ 42 phút D. 10 giờ 8 phút.

Câu 6. a. Giá trị của biểu thức $21\,576 - 2\,343 + 1\,000$ là

- A. 20 000 B. 18 233 C. 20 233 D. 18 000

b. Diện tích hình chữ nhật có chiều dài 12 cm và chiều rộng 8 cm là:

- A. 40 cm B. 20 cm C. 96 cm² D. 22 cm

II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 7. Đặt tính rồi tính

27 583 + 38 107 70 236 – 20 052 11 170 × 4 42 987 : 7

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tính giá trị biểu thức:

a) $5 \times (9\,280 + 9\,820)$	b) $(78\,156 - 2\,829) : 3$
=	=
=	=

Câu 9. Tháng trước khu di tích đón 42 300 khách tham quan. Tháng này, khách tham quan đã giảm đi 3 lần so với tháng trước. Hỏi số lượng khách đến tham quan khu di tích trong cả hai tháng là bao nhiêu?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: Tìm tích của số lớn nhất của 4 chữ số khác nhau với số lớn nhất có một chữ số?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 11
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. (1đ) a. Số 3 458 làm tròn đến chữ số hàng trăm ta được số:

A. 3 500

B. 3 460

C. 3 000

b. Số 2976 làm tròn đến chữ số hàng chục ta được số:

A. 2970

B. 2960

C. 2980

Câu 2: (1 đ) a. Trong một năm có bao nhiêu tháng có 31 ngày?

A. 6 tháng

B. 7 tháng

D. 8 tháng

b. Đồng hồ đang chỉ mấy giờ:



A. 5 giờ 48 phút

B. 5 giờ 58 phút

C. 4 giờ 48 phút

Câu 3 (1đ): Tính giá trị biểu thức: $507 - 27 \times 3$

.....
.....

Câu 4 (1đ): Một hình vuông có cạnh 3 cm. Diện tích của hình vuông đó là:

A. 12 cm^2

B. 9 cm^2

C. 10 cm^2

Câu 5: (1đ) Viết số vào chỗ chấm:

Khối hộp chữ nhật cómặt,cạnh,.....đỉnh

Câu 6. (1đ) Lan mua một quyển sách giá 28 000 đồng và 1 cái bút giá 7000 đồng. Lan đưa cô bán hàng 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Lan bao nhiêu tiền?

A. 15 000 đồng

B. 35 000 đồng

C. 57 000 đồng

Câu 7. (1đ). Đặt tính rồi tính

$$4\,356 + 5\,371$$

$$7\,262 - 4\,539$$

$$6\,041 \times 6$$

$$5\,276 : 4$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8: (1đ) Dưới đây là bảng số liệu về số học sinh khối lớp 3, trường Tiểu học Quang Trung. Dựa vào bảng trên trả lời câu hỏi:

Lớp	3A	3B	3C
Tổng số học sinh	36	35	34

a. Khối lớp 3 trường Tiểu học Quang Trung có bao nhiêu lớp? Đó là những lớp nào?

.....

b. Trường Tiểu học Quang Trung có bao nhiêu học sinh lớp 3?

.....

Câu 9: (1đ)Viết số thích hợp vào ô trống:

a) $2\,875 + \boxed{\text{.....}} = 9\,926$ b) $5 \times \boxed{\text{.....}} = 575$

Câu 10: (1đ) Một tờ giấy hình chữ nhật có chiều rộng 8 cm, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích tờ giấy đó?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 12
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. a. Số liền trước của số 9000 là:

- A. 8000 B. 8990 C. 9001 D. 8999

b. Kết quả của $1509 \times 7 = ?$

- A. 10573 B. 7503 C. 10563 D. 7431

Câu 2. Số gồm 2 chục nghìn, 3 nghìn, 8 trăm, 5 chục và 2 đơn vị viết là:

- A. 32 852 B. 23 582 C. 32 258 D. 23 852

Câu 3. Cho dãy số: 76 521; 32 362; 76 009; 7 219. Số lớn nhất trong dãy số bên là:

- A. 76 521 B. 32 362 C. 76 009 D. 7219

Câu 4. Số 19 viết theo số La Mã là:

- A. XVIII B. XIX C. XIV D. XVII

Câu 5. a. Có 8 bao ngô đựng được 1 280 kg. Hỏi mỗi bao đựng được bao nhiêu ki-lô- gam ngô?

- A. 160 kg B. 8240 kg C. 480 kg D. 408 kg

b. 2 giờ = phút”. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 60 B. 180 C. 90 D. 120

Câu 6 a. Chu vi hình chữ nhật có chiều dài 12 cm và chiều rộng 8 cm là:

- A. 40 cm B. 20 cm C. 96 cm D. 22 cm

Bài 7. Tính giá trị của biểu thức:

a. $1759 + 608 \times 3$

b. $(2\,794 + 2\,254) : 2$

.....
.....
.....

Bài 8: Đặt tính rồi tính:

- a) $52\,867 + 9\,103$
- b) $49\,086 - 27\,548$
- c) $12\,507 \times 5$
- d) $28\,960 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 9: Theo kế hoạch, mỗi tổ công nhân phải trồng 25 700 cây. Tổ đã trồng được $\frac{1}{5}$ số cây đó. Hỏi theo kế hoạch tổ đó còn phải trồng bao nhiêu cây nữa?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 10: Tìm một số biết rằng nếu giảm số đó đi 2 lần, rồi lại giảm tiếp đi 5 lần thì được thương là số lẻ lớn nhất có 1 chữ số.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 13**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026****(Thời gian làm bài: 40 phút)**

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:****Câu 1. Số bảy mươi nghìn ba trăm năm mươi được viết là: (0,5 đ)**

A. 70350

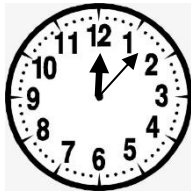
B. 73050

C. 73500

D. 73005

Câu 2. Nối cột A với cột B cho phù hợp: (1 đ)

54 825	$50\ 000 + 4000 + 20$
54 025	$50\ 000 + 8000 + 400 + 5$
54 020	$50\ 000 + 4000 + 800 + 20$
58405	$50\ 000 + 4000 + 20 + 5$

Câu 3. a) Đồng hồ chỉ mấy giờ (0,5 đ)

A. 1 giờ 10 phút

B. 12 giờ 2 phút

C. 12 giờ 7 phút

D. 2 giờ

b) Những tháng nào có 30 ngày là: (0,5)

A. Tháng 1, tháng 3, tháng 5, tháng 7

C. Tháng 2, tháng 4, tháng 11, tháng 12

B. Tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11

D. Tháng 1, tháng 6, tháng 8, tháng 10

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: (1đ)

- Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

☐

- Muốn tính chu vi hình chữ nhật, ta lấy độ dài cộng với chiều rộng.

☐

- Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo)

☐**Câu 5: Trong phép chia có dư với số chia là 7 thì số dư lớn nhất của phép chia đó là: (0,5đ)**

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 6: Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

a) $18\,290 + 42\,276$

b) $87\,545 - 39\,436$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm: (1đ)

1 kg 500g 1050g 4700 ml 4 l 700 ml 3 ngày 75 giờ

Câu 8. Đây là bảng thống kê số cây đã trồng được của lớp khối 3. (1 đ)

Lớp	3^1	3^2	3^3	3^4
Số cây	39	41	33	36

a/ Lớp 3^1 ; 3^2 và lớp 3^3 trồng đượccây

b/ Lớp 3^4 trồng ít hơn lớp 3^2 cây và nhiều hơn lớp 3^3 cây

Câu 9. (1đ) Quan sát bức tranh hình vuông bên.

a) Đo độ dài cạnh bức tranh:

.....

b) Tính diện tích bức tranh:

.....



Câu 10: Một hội từ thiện được hỗ trợ 312 thùng sữa bột, mỗi thùng có 8 lon sữa bột. Số sữa bột này dự định phát cho các bệnh nhi, mỗi em 3 lon sữa bột. Hỏi có bao nhiêu em bệnh nhi được phát sữa bột?(2đ)

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 14**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026****(Thời gian làm bài: 40 phút)**

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:****Câu 1:** (0,5 điểm) Cho các số: 3500, 26 919, 3501, 32 687.

a) Số lớn nhất trong bốn số trên là:

b) Số bé nhất trong bốn số trên là:

Câu 2: (1 điểm) Điền số thích hợp vào ô trống

a, 5 ngày =giờ

b, 3 giờ = phút

c, 4 m = dm

d, 4 kg = g

Câu 3: (0,5 điểm) Chọn đáp án đúng

Cho các số: 32460; 6032; 9846; 62302. Các số theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 32460; 6032; 9846; 62302.

B. 6032; 9846; 62302; 32460.

C. 6032; 9846; 32460; 62302.

D. 9846; 32460; 62302; 6032.

Câu 4: (0,5 điểm) Điền số thích hợp vào ô trống

a) Số 5 chục nghìn, 8 trăm, 6 đơn vị viết là:

b) Số bảy nghìn bốn trăm sáu mươi tư viết là:

Câu 5: (1 điểm)a. Giá trị của biểu thức : $35 + 120 : 5$ là:b. Giá trị của biểu thức: $46 - (20 + 10)$ là:**Câu 6:** (0,5 điểm) Cho bảng thống kê số học sinh của một trường tiểu học như sau:

Khối	Một	Hai	Ba	Bốn	Năm
Số học sinh	150	200	180	210	170

Khối Một có ít hơn khối Năm học sinh

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1:** (1,0 điểm) Số?

a)..... - 326 = 45652 b) x 2 = 6846

Bài 2: (2 đ) Đặt tính rồi tính:

a) $49038 + 3259$ b) $80765 - 4359$ c) 7513×6 d) $4328 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: (2,0 điểm) Cho hình vuông có chu vi 36cm. Tính diện tích hình vuông đó?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: (1,0 điểm) Tìm một số biết nếu lấy số đó chia cho số chẵn lớn nhất có một chữ số thì được 10 và số dư là số dư lớn nhất.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 15

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS:..... Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm) Khoanh vào số liền sau của số: 9999?

- A. 9899. B. 9989. C. 9998. D. 10 000.

Câu 2. (0,5 điểm) Khoanh vào số lớn nhất trong dãy số: 6289, 6199, 6298, 6288?

- A. 6289. B. 6199. C. 6298. D. 6288.

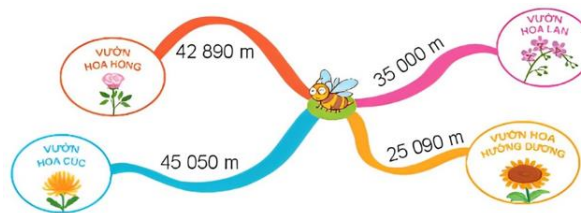
Câu 3. (0,5 điểm) Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi:



Số tiền mua một quả dưa hấu nhiều hơn số tiền mua một khay xoài là:

- A. 25 000 đồng B. 47 000 đồng C. 72 000 đồng D. 22 000 đồng

Câu 4. (0,5 điểm) Cho hình vẽ. Từ vị trí ong vàng đến vườn hoa nào là gần nhất?



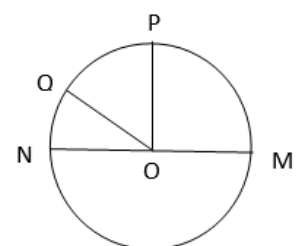
- A. Vườn hoa hồng B. Vườn hoa lan
C. Vườn hoa cúc D. Vườn hoa hướng dương

Câu 5. (0,5 điểm) Nếu ngày 27 tháng 4 là thứ Ba thì ngày 1 tháng 5 cùng năm đó là:

- A. Thứ Năm B. Thứ Sáu C. Thứ Bảy D. Chủ nhật

Câu 6. (0,5 điểm) Chọn khẳng định sai trong các khẳng định sau:

- A. OQ là bán kính C. OP là đường kính
B. MN là đường kính D. O là tâm hình tròn



II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 7. (2,0 điểm) Đặt tính rồi tính:

- a) $6943 + 1347$
- b) $9822 - 2918$
- c) 1816×4
- d) $3192 : 7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. (1,0 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ trống:



Câu 9. (2,0 điểm) Người ta uốn một đoạn dây thép vừa đủ thành một hình vuông có cạnh 5 cm. Tính độ dài đoạn dây đó?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. (1,0 điểm) Bác Tuấn đã làm việc được 8 giờ, mỗi giờ bác làm được 7 sản phẩm. Hỏi bác Tuấn làm được tất cả bao nhiêu sản phẩm?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. (1,0 điểm) Tính giá trị biểu thức:

- a) $(1\,478 + 2\,354) : 4$
- b) $1\,500 \times 6 - 3\,000$

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 16
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Số gồm 5 nghìn, 6 trăm, 9 chục và 3 đơn vị viết là:

- A. 5693 B. 6593 C. 5639 D. 5963

Câu 2. Làm tròn số 2853 đến hàng trăm ta được:

- A. 2860 B. 2900 C. 2800 D. 3000

Câu 3. Viết số 14 bằng chữ số La Mã ta được:

- A. XIX B. XIII C. XIV D. XVIII

Câu 4. Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $2\,153 + 1934$ B. $1\,023 \times 4$ C. $7623 - 2468$ D. $8760 : 2$

Câu 5. Một cửa hàng bán xăng ngày chủ nhật bán được 1 280l, ngày thứ hai bán được gấp đôi ngày thứ nhất. Hỏi cả hai ngày bán được bao nhiêu lít xăng?

- A. 2 560l B. 2 460l C. 3740l D. 3 840l

Câu 6. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 15m, chiều dài hơn chiều rộng 5m. Chu vi mảnh đất đó là:

- A. 40 m B. 70 m C. 75 m^2 D. 300 m^2

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 7. (1 điểm) Điền vào chỗ chấm

- a) Số 4 504 đọc là:
- b) Số liền trước của 9949 là:
- c) Sắp xếp các số VIII, IV, XV, XVIII; XI theo thứ tự giảm dần là:
.....

Câu 8. (1 điểm) Số?

- a) $1\,694 + \dots = 6\,437$ b) $2\,154 \times \dots = 4\,308$

Câu 9: (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) $3\,846 + 4\,738$

b) $4\,683 - 1\,629$

c) $7\,215 \times 3$

d) $8\,469 : 9$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức.

$8\,375 + 4\,905 \times 6$

$(95\,589 - 82\,557) : 6$

=

=

=

=

Câu 11. (1 điểm) Một khu đất hình vuông có chu vi 432 m. Tính diện tích khu đất đó.

.....

.....

.....

.....

Câu 12. (1 điểm). Đỉnh Phan - xi - păng là đỉnh núi cao nhất Việt Nam với độ cao 3 143 m so với mực nước biển. Đỉnh Tây Côn Lĩnh thấp hơn đỉnh Phan - xi - păng 716 m. Hỏi cả hai núi Phan - xi - păng và Tây Côn Lĩnh cao bao nhiêu mét?

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 17**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026****(Thời gian làm bài: 40 phút)**

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)**Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:****Câu 1.** Số 54 175 đọc là:

A. Năm tư nghìn một trăm bảy lăm.

B. Năm mươi tư nghìn bảy trăm mười lăm.

C. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy mươi lăm.

D. Năm mươi tư nghìn một trăm bảy lăm.

Câu 2. Số liền sau của số 68457 là:

A. 68467

B. 68447

C. 68456

D. 68458

Câu 3. Các số 48617; 47861; 48716; 47816 sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 48617; 48716; 47861; 47816

C. 47816; 47861; 48617; 48716

B. 48716; 48617; 47861; 47816

D. 48617; 48716; 47816; 47861

Câu 4. Số lẻ nhỏ nhất có 5 chữ số là:

A. 11000

B. 10100

C. 10010

D. 10001

Câu 5. Kết quả của phép cộng $36528 + 49347$ là:

A. 75865

B. 85865

C. 75875

D. 85875

Câu 6. Kết quả của phép trừ $85371 - 9046$ là:

A. 76325

B. 86335

C. 76335

D. 86325

Câu 7. Mẹ mua 12 quả cam. Mẹ biếu bà 3 quả, mẹ để phần bố $\frac{1}{4}$ số cam. Số còn lại mẹ chia đều cho 2 anh em. Hỏi mỗi anh em được bao nhiêu quả cam?

A. 4 quả

B. 1 quả

C. 3 quả

D. 2 quả

Câu 8. Diện tích một hình vuông là 9 cm^2 . Hỏi chu vi hình vuông đó là bao nhiêu?

A. 3 cm

B. 12 cm

C. 4 cm

D. 36 cm

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)**Bài 1. (2,0 điểm)** Đặt tính rồi tính:

$$45567 + 944$$

$$90632 - 23434$$

$$12\,628 \times 3$$

$$31\,250 : 5$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. (1,0 điểm) Điền dấu $> < =$?

1km	985 m	60 phút	1 giờ
797 mm	1 m	987 g	1 kg

Bài 3. (1,0 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a) $178 + 96 : 2$	b) $144 : 4 \times 5$
-------------------	-----------------------

.....	
.....	
.....	

Bài 4. (2,0 điểm) Một người đi bộ trong 6 phút đi được 480 m. Hỏi trong 9 phút người đó đi được bao nhiêu mét đường? (Quãng đường trong mỗi phút đi đều như nhau)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. (1,0 điểm) Tìm số có 2 chữ số. Nếu lấy 2 chữ số của số đó nhân với nhau ta được 54, biết rằng có 1 chữ số là 6. Tìm số đó.

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 18

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: (1,0 điểm). Khoanh vào trước câu trả lời đúng:

a) Số liền sau của 42 099 là:

A. 42 100 B. 42 098 C. 43 099 D. 43 100

b) Số lớn nhất trong các số: 8 576 ; 8 756 ; 8 765 ; 8 675 là:

A. 8 576 B. 8 756 C. 8 765 D. 8 675

c) 1 giờ 15 phút = ... phút

A. 115 phút B. 615 phút C. 65 phút D. 75 phút

d) Ngày 28 tháng 4 là thứ sáu. Ngày 4 tháng 5 là thứ mấy?

A. Thứ tư B. Thứ năm C. Thứ bảy D. Chủ nhật

Câu 2: (1,0 điểm). Điền dấu: $> < =$

a) 76 635 ... 76 653

c) 47 526 ... 47 520 + 6

b) 18 536 ... 17 698

b) 92 569 ... 92 500 + 70

Câu 3: (1,0 điểm). Hình chữ nhật ABCD có chiều dài 6 cm, chiều rộng 4 cm.

a) Diện tích của hình chữ nhật là:

A. 24 cm² B. 24cm C. 20 cm² D. 20 cm

b) Chu vi của hình chữ nhật là:

A. 10 cm B. 20cm C. 24 cm² D. 24 cm

Câu 4: (0,5 điểm). 12m7dm = ... dm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 1 207 dm B. 127 dm C. 1 270 dm D. 1 027 dm

Câu 5: (0,5 điểm). Một hình vuông có cạnh là 60 cm. Chu vi hình vuông đó là:

A. 200 cm B. 140 cm C. 240 cm D. 250 cm

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 5: (2,0 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $27\,684 + 11\,023$ b) $84\,695 - 2\,367$ c) $1\,041 \times 7$ d) $24\,672 : 6$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6: (1,0 điểm). Tính giá trị của biểu thức:

a) $229 + 126 \times 3 =$ b) $(9\,759 - 7\,428) \times 2 =$

.....

.....

.....

Câu 7: (1,0 điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$= \dots\dots\dots \times 6 = 2\,412$ $\dots\dots\dots : 3 = 1\,824$

Câu 8: (2,0 điểm). Một người đi ô tô trong 2 giờ đi được 82 km. Hỏi trong 5 giờ người đó đi ô tô đi được bao nhiêu kí- lô- mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 19

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

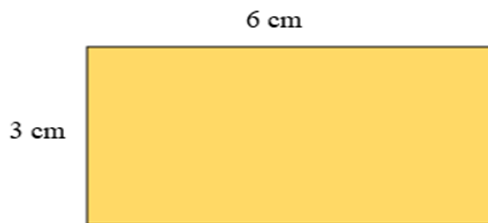
Câu 1: Số IV được đọc là:

- A. Mười lăm B. Một năm C. Bốn D. Sáu

Câu 2: Số 3 048 làm tròn đến chữ số hàng chục ta được số:

- A. 3 050 B. 3 040 C. 3 000 D. 3 100

Câu 3: Tính diện tích hình chữ nhật có độ dài các cạnh được cho trong hình vẽ dưới đây:



- A. 9 cm B. 18 cm
C. 9 cm² D. 18 cm²

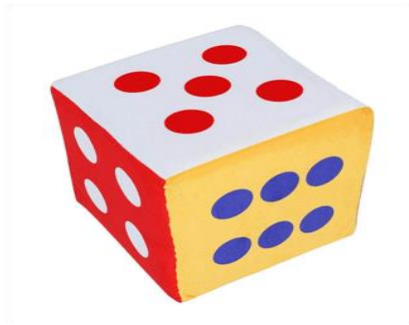
Câu 4: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 5 m, chiều dài gấp 9 lần chiều rộng. Diện tích của hình chữ nhật đó là:

- A. 14 m² B. 50 m² C. 225 m² D. 100 m²

Câu 5: Tháng nào sau đây có 31 ngày?

- A. Tháng 2 B. Tháng 4 C. Tháng 9 D. Tháng 12

Câu 6: Khả năng nào sau đây **không** thể xảy ra khi gieo một con xúc xắc một lần



- A. Mặt 1 chấm xuất hiện B. Mặt 7 chấm xuất hiện
C. Mặt 3 chấm xuất hiện D. Mặt 4 chấm xuất hiện

Câu 7: Bạn Nam mang hai tờ tiền có mệnh giá 10 000 đồng đi mua bút chì. Bạn mua hết 15 000. Bạn Nam còn thừađồng.

- A. 10 000 đồng B. 5 000 đồng C. 2 000 đồng D. 1 000 đồng

Câu 8: Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau:

538 + = 6 927 – 3 236 = 8 462

Câu 9: Tính giá trị biểu thức:

a) $72009 : 3 \times 2$

b) $2 \times 45000 : 9$

.....
.....

Câu 10: Đặt tính rồi tính:

$37\,567 + 13\,944$

$75\,632 - 25\,434$

$22\,092 \times 4$

$79\,075 : 5$

Câu 11. Dưới đây là bảng giá được niêm yết ở một cửa hàng văn phòng phẩm:

Sản phẩm	Bút mực	Bút chì	Vở ô ly	Thước kẻ
Giá 1 sản phẩm	6 000 đồng	4 000 đồng	10 000 đồng	8 000 đồng

Quan sát bảng số liệu thống kê và trả lời câu hỏi:

a) Sản phẩm nào có giá đắt nhất? Sản phẩm nào có giá rẻ nhất?

b) Với 50 000 đồng có thể mua nhiều nhất bao nhiêu cái bút mực?

c) Mai mua 3 sản phẩm hết vừa tròn 20 000 đồng. Những khả năng có thể xảy ra là:

Câu 12. Trang trại của bác Hòa có 4 khu nuôi gà, mỗi khu có khoảng 1 500 con. Hôm nay, sau khi bán đi một số gà thì trang trại của bác còn lại 2800 con. Hỏi bác Hòa đã bán đi bao nhiêu con gà?

Bài giải

Câu 13. Với 100 000 đồng em hãy lựa chọn những đồ vật dưới đây để có thể mua được nhiều loại nhất.



Gấu bông
60 000 đồng



Ô tô đồ chơi
38 000 đồng



Quả bóng
77 000 đồng



Khối rubik
21 000 đồng



Hộp sáp màu
24 000 đồng

ĐỀ 20**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026**

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:**Câu 1:** Số gồm 7 chục nghìn, 3 trăm, 5 đơn vị viết là:

- A. 7 035 B. 70 305 C. 70 315 D. 70 350

Câu 2: 1,5, 9, 13, , Hai số tiếp theo của dãy là:

- A. 16, 19 B. 16, 20 C. 17, 21 D. 18, 22

Câu 3: Số lớn nhất có năm chữ số khác nhau là

- A. 99 999 B. 98 978 C. 98 765 D. 98 674

Câu 4: Số dư trong phép chia 1 441 cho 7 là:

- A. 7 B. 6 C. 5 D. 4

Câu 5: 5 km 15m = m

- A. 515 B. 5 015 C. 5 150 D. 50 015

Câu 6: Bố đi công tác từ ngày 25 tháng 3 đến hết ngày 8 tháng 4. Hỏi bố đi công tác trong bao nhiêu ngày?

- A. 16 ngày B. 15 ngày C. 14 ngày D. 13 ngày

Câu 7: Một hình tròn có đường kính 20cm. Bán kính hình tròn đó là:

- A. 40 B. 40cm C. 10cm D. 20cm

Câu 8: Giá trị của biểu thức $138 - 30 : 6$ là:

- A. 133 B. 132 C. 48 D. 18

Câu 9: Bạn Mai được bố cho 50 000 đồng. Mai mua 3 quyển truyện, mỗi quyển 5 000 đồng, mua 1 bưu thiếp 15 000 đồng và 1 cái bút giá 5 000 đồng. Cô bán hàng phải trả lại cho Mai 2 tờ giấy bạc. Hỏi 2 tờ giấy bạc đó thuộc loại nào?

- A. 2 tờ giấy bạc loại 10 000 đồng
B. 2 tờ giấy bạc loại 5 000 đồng
C. 1 tờ giấy bạc loại 5 000 đồng và 1 tờ giấy bạc loại 10 000 đồng
D. 1 tờ giấy bạc loại 5 000 đồng và 1 tờ giấy bạc loại 20 000 đồng

Câu 10. Bốn bạn Lan, Liên, Hoa, Hà có cân nặng theo thứ tự là 46kg, 35kg, 42kg, 34kg Dựa vào số liệu trên, điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

- a. Bạn Liên cân nặngkg. Bạn Hà cân nặng.....kg
b. Bạn, nặng nhất. Bạn, nhẹ nhất và hai bạn này hơn kém nhau, kg.
c. Bốn bạn cân nặng tất cả kg

Câu 11. Đặt tính rồi tính:

54 785- 21 367

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 946 + 3 524

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 607 x 4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

23 276 : 4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12. Một hình chữ nhật có chiều dài 18cm, chiều rộng bằng chiều dài. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12. Có 3 que tăm, em xếp được những số La Mã nào? Vẽ hình minh họa

.....

.....

Câu 14: Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 8 m, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Tính diện tích khu vườn đó.

.....

.....

.....

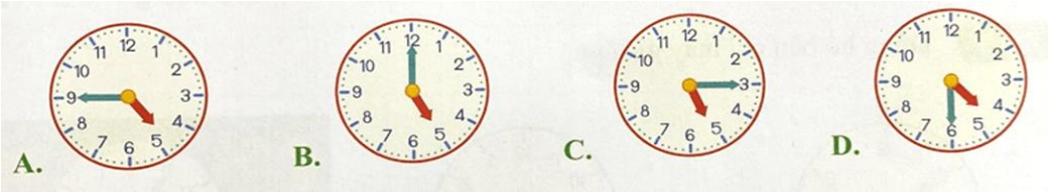
.....

Câu 15: Tìm một số, biết số đó chia cho 5 được thương là 1403 và số dư là 3. Tìm số đó?

.....

.....

Câu 16: An về nhà ngay sau khi tan học. Thời gian đi từ trường về nhà là 15 phút. An về đến lúc 17 giờ. Đồng hồ nào dưới đây chỉ thời gian An tan học?



ĐỀ 21

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Số IV được đọc là:

- A. Mười lăm B. Một năm C. Bốn D. Sáu

Câu 2. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Số 3 048 làm tròn đến chữ số hàng chục ta được số:

- A. 3 050 B. 3 040 C. 3 000 D. 3010

Câu 3. Một mảnh vườn hình vuông có độ dài một cạnh là 9 cm. Diện tích của hình vuông đó là:

- A. 18 m² B. 81m² C. 50 m² D. 36 m²

Câu 4. Tháng nào sau đây có 31 ngày?

- A. Tháng 4 B. Tháng 9 C. Tháng 12 D. Tháng 2

Câu 5. Hôm nay là thứ Năm, ngày 28 tháng 7. Còn 1 tuần nữa là đến sinh nhật Hiền. Sinh nhật Hiền là thứ mấy ngày mấy tháng mấy?

- A. Thứ Năm, ngày 5 tháng 8 B. Thứ Năm, ngày 21 tháng 7
C. Thứ Tư, ngày 3 tháng 8 D. Thứ Năm, ngày 4 tháng 8

Câu 6. Bạn Nam mang hai tờ tiền có mệnh giá 10 000 đồng đi mua bút chì. Bạn mua hết 15 000 đồng. Bạn Nam còn thừađồng?

- A. 5 000 đồng B. 10 000 đồng C. 2 000 đồng D. 3 000 đồng

Câu 7. Đặt tính rồi tính

- a) $3\,567 + 3\,944$ b) $8\,632 - 5\,434$ c) $2\,092 \times 4$ d) $7\,075 : 5$

Câu 8. Xe thứ nhất chở được 1240kg gạo, xe thứ hai chở được nhiều hơn xe thứ nhất 360 kg. Hỏi cả hai xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

Câu 9. Tính giá trị biểu thức

a) $72009 : 3 \times 2$

b) $45000 : 9 + 200$

Câu 10. Cho bảng số liệu thống kê sau:

Tên	Hoa	Hồng	Huệ	Cúc
Chiều cao	140 cm	135 cm	143 cm	130 cm

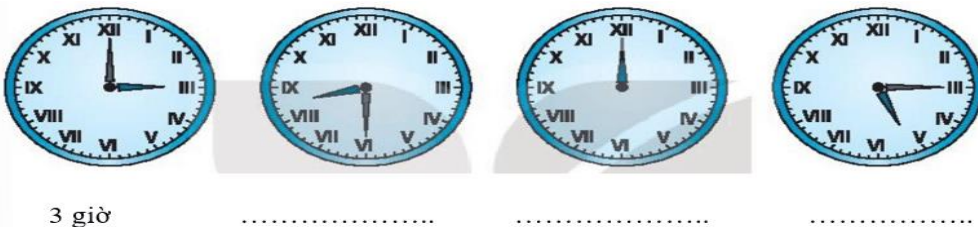
Dựa vào bảng số liệu thống kê trên trả lời các câu hỏi:

- a) Bạn Hoa cao bao nhiêu xăng-ti-mét?.....
 b) Bạn Huệ cao bao nhiêu xăng-ti-mét?.....
 c) Bạn nào cao nhất? Bạn nào thấp nhất?.....
 d) Bạn Hồng cao hơn bạn Cúc bao nhiêu xăng-ti-mét?.....

Câu 11: Viết theo mẫu:

Đọc số	Viết số
	7259
Chín mươi ba nghìn không trăm linh một	
	20705
Mười bảy nghìn chín trăm mười	
	82699

Câu 12: Quan sát và mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?



3 giờ

Câu 13: Làm tròn các số sau

Đến hàng chục nghìn	Đến hàng trăm	Số đã cho	Đến hàng trăm	Đến hàng chục
		23056		
		14315		
		75630		
		16590		

Câu 14: Một hình chữ nhật có chiều dài 36 m, chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó?

Bài giải

.....

ĐỀ 22
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Số 16 trong số La Mã được viết là:

- A. VI B. XIV C. XVI D. XX

Câu 2. Cho dãy số: 76 521; 32 362; 76 009; 7 219. Số lớn nhất trong dãy số bên là:

- A. 76 521 B. 32 362 C. 76 009 D. 7219

Câu 3. Phát biểu đúng là:

- A. Các mặt của khối lập phương đều là hình chữ nhật.
B. Các mặt của khối hộp chữ nhật đều là hình vuông.
C. Các cạnh của khối hộp chữ nhật có độ dài bằng nhau.
D. Khối hộp chữ nhật và khối lập phương có số đỉnh, số cạnh và số mặt bằng nhau.

Câu 4. Đồng hồ lúc này chỉ mấy giờ?

- A. 10 giờ 10 phút B. 10 giờ 5 phút
C. 9 giờ 42 phút C. 10 giờ 8 phút.



Câu 5. May 2 bộ quần áo hết 6m vải. Hỏi có 12 mét vải thì may được mấy bộ quần áo như thế?

- A. 2 bộ B. 3 bộ C. 4 bộ D. 6 bộ

Câu 6. Hôm nay là ngày 28 tháng 10 năm 2022. Còn 1 tuần nữa là đến sinh nhật tròn 8 tuổi của Mai. Vậy ngày tháng năm sinh của Mai là:

- A. Ngày 4 tháng 11 năm 2014 B. Ngày 5 tháng 11 năm 2014
C. Ngày 5 tháng 11 năm 2013 D. Ngày 4 tháng 11 năm 2015.

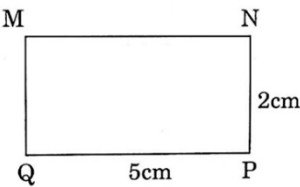
Câu 7. Một cửa hàng có 2 340 kg gạo, sau khi bán thì số gạo giảm đi 3 lần. Hỏi cửa hàng đó còn lại bao nhiêu kg gạo?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 8. Diện tích hình chữ nhật MNPQ là:

- A. 14 cm^2
- B. 14 cm
- C. 10 cm
- D. 10 cm^2



Câu 9: Đặt tính rồi tính:

- a) $4\,428 + 1\,357$
- b) $5\,783 - 2\,568$
- c) $2\,253 \times 3$
- d) $6\,572 : 2$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: Tính giá trị biểu thức

- a. $5128 \times 8 + 1723$
- b. $2363 + (18\,573 + 3421)$

.....

.....

Câu 11: Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 13 980 kg gạo, ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 120 kg gạo. Hỏi cả hai ngày bán được bao nhiêu ki- lô - gam gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12: Tìm hiệu của số lớn nhất có 5 chữ số khác nhau và số nhỏ nhất có ba chữ số.

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 23

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Số 36 525 đọc là:

- A. Ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi lăm. B. Ba mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi lăm.
C. Ba sáu năm hai năm D. Ba mươi sáu nghìn năm hai năm.

Câu 2. Chữ số 7 trong số 54 766 có giá trị là:

- A. 70 B. 700 C. 7 000 D. 70000

Câu 3. Làm tròn số 83 240 đến hàng chục nghìn ta được số:

- A. 83 000 B. 90 000 C. 80 000 D. 84000

Câu 4. Số liền trước của số 10 001 là số nào?

- A. 10 002 B. 10 011 C. 10 000 D. 9999

Câu 5. Tháng nào sau đây có 30 ngày?

- A. Tháng Năm Tháng Mười hai C. Tháng Sáu D. Tháng Hai

Câu 6. Giá trị của biểu thức $21\,576 - 2\,343 + 1\,000$ là:

- A. 20 000 B. 18 233 C. 20233 D. 22576

Câu 7. Chu vi hình chữ nhật có chiều dài 12 cm và chiều rộng 8 cm là:

- A. 40 cm B. 20 cm C. 96 cm D. 30 cm

Câu 8. Đặt tính rồi tính:

$27\,583 + 38\,107$ $70\,236 - 20\,052$ $11\,170 \times 4$ $42\,987 : 7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Tính giá trị biểu thức:

a) $5 \times (9\,280 + 9\,820)$

b) $(78\,156 - 2\,829) : 3$

.....

.....

.....

Câu 10. Số?

2 m = cm

5 l = ml

4 km =m

5 kg = g

2 000 g = kg

7 00 cm =m

Câu 11. Tháng trước khu di tích đón 42 300 khách tham quan. Tháng này, khách tham quan đã giảm đi 3 lần so với tháng trước. Hỏi số lượng khách đến tham quan khu di tích trong cả hai tháng là bao nhiêu?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12. Số?

Mẹ mua trứng hết 20 000 đồng và đưa cho cô bán trứng tờ 1000 đồng. Cô bán trứng trả lại mẹ 4 tờ tiền. Khả năng có thể xảy ra là:

- Cô bán trứng trả lại mẹ tờ 5 000 đồng, tờ 20 000 đồng và tờ 50 000 đồng.
- Cô bán trứng trả lại mẹ tờ 20 000 đồng.
- Cô bán trứng trả lại mẹ tờ 10 000 đồng và tờ 50 000 đồng

ĐỀ 24

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm):

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Số hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi lăm viết là:

- A. 207 645 B. 27 645 C. 276 405 D. 2 765

Câu 2. Số 64 678 làm tròn đến hàng chục nghìn ta được số:

- A. 65 000 B. 60 000 C. 64 600 D. 64 700

Câu 3. Số lớn nhất trong các số XII; IX; XVI; VIII là:

- A. XII B. IX C. XVI D. VIII

Câu 4. Trong một chiếc hộp có 3 viên bi: 1 viên màu đỏ, 1 viên màu xanh lam và 1 viên màu vàng. Nếu bạn nhắm mắt và lấy ra một viên bi, điều gì **chắc chắn sẽ xảy ra**?

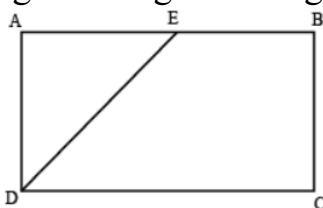
- A. Bạn sẽ lấy được viên bi màu đỏ. B. Bạn sẽ lấy được viên bi màu xanh lam.
C. Bạn sẽ lấy được viên bi màu vàng. D. Bạn sẽ lấy được một trong ba viên bi đó.

Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

Câu 5. Số chẵn liền sau của số tròn chục lớn nhất có năm chữ số là.....

Câu 6. Trong hình vẽ bên:

Hình tam giác DAE cógóc vuông và.....góc không vuông. Các góc không vuông có đỉnh là;



Câu 7. Hôm nay là thứ Ba, ngày 29 tháng 1. Vậy thứ Năm tuần trước là ngày mấy, tháng mấy?

Trả lời: Vậy thứ Năm tuần trước là ngày..... tháng

Câu 8: Bố Hà vừa trúng thầu một ao cá hình vuông cạnh 100m. Bố dự định trồng một số cây bưởi xung quanh ao, các cây xẽ cách đều nhau 5m. Vậy số cây bưởi bố Hà có thể trồng nhiều nhất là:

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm):

Câu 9. Tính giá trị biểu thức (1 điểm)

a. $12134 + 10215 \times 5$

b. $(27021 + 24019) : 5$

.....
.....

Câu 10 (2 điểm): Đặt tính rồi tính.

28 273 + 25 218

67 346 – 18 219

31 428 x 3

57 476 : 9

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. (1,5 điểm): Mẹ đi chợ mua một chục trứng hết 35 000 đồng, mua thịt lợn hết 50 000 đồng. Mẹ đưa cho cô bán hàng tờ tiền mệnh giá 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng cần trả lại mẹ bao nhiêu tiền?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12. (1 điểm): Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều rộng 6cm, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Tính chu vi của tấm bìa đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 13. (0,5 điểm): Tìm một số, biết rằng lấy số đó chia cho 4 thì được số liền sau số tròn chục nhỏ nhất có 5 chữ số khác nhau.

.....

.....

.....

ĐỀ 25
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm):

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. (1 điểm) a. Số 3 458 làm tròn đến chữ số hàng trăm ta được số:

A. 3 500

B. 3 460

C. 3 000

b. Số 2976 làm tròn đến chữ số hàng chục ta được số:

A. 2970

B. 2960

C. 2980

Câu 2: (1 điểm) a. Trong một năm có bao nhiêu tháng có 31 ngày?

A. 6 tháng

B. 7 tháng

D. 8 tháng

b. Đồng hồ đang chỉ mấy giờ:



A. 5 giờ 48 phút

B. 5 giờ 58 phút

C. 4 giờ 48 phút

Câu 3 (1 điểm): Tính giá trị biểu thức: $507 - 27 \times 3$

Câu 4 (1 điểm) Một hình vuông có cạnh 3 cm. Diện tích của hình vuông đó là:

A. 12 cm^2

B. 9 cm^2

C. 10 cm^2

Câu 5: (1 điểm) Viết số vào chỗ chấm:

Khối hộp chữ nhật cómặt,cạnh,.....đỉnh

Câu 6. (1 điểm) Lan mua một quyển sách giá 28 000 đồng và 1 cái bút giá 7000 đồng. Lan đưa cô bán hàng 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Lan bao nhiêu tiền?

A. 15 000 đồng

B. 35 000 đồng

C. 57 000 đồng

Câu 7. (1 điểm) Đặt tính rồi tính

$$4\,356 + 5\,371$$

$$7\,262 - 4\,539$$

$$6\,041 \times 6$$

$$5\,276 : 4$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8: (1 điểm) Dưới đây là bảng số liệu về số học sinh khối lớp 3, trường Tiểu học Quang Trung. Dựa vào bảng trên trả lời câu hỏi:

Lớp	3A	3B	3C
Tổng số học sinh	36	35	34

a. Khối lớp 3 trường Tiểu học Quang Trung có bao nhiêu lớp? Đó là những lớp nào?

.....

b. Trường Tiểu học Quang Trung có bao nhiêu học sinh lớp 3?

.....

Câu 9: (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $2\,875 + \dots\dots\dots = 49\,926$

b) $5 \times \dots\dots\dots = 3575$

Câu 10: (1 điểm) Một tờ giấy hình chữ nhật có chiều rộng 8 cm, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích tờ giấy đó?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 26**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026****(Thời gian làm bài: 40 phút)**

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm):**Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:****Câu 1. (1,0 điểm)** a) Hiệu của số nhỏ nhất có 5 chữ số và số lớn nhất có 3 chữ số là:

- A. 9000 B. 901 C. 8999 D. 9001

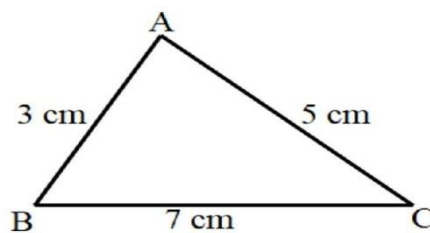
b) Dãy số La Mã được sắp xếp theo thứ tự giảm dần là:

I, IX, VII, IV, III

X, XI, VII, IV, III

II, IV, VII, IX, XI

II, IV, VII, XI, IX

Câu 2. (0,5 điểm) Cho hình vẽ dưới đây. Chu vi của tam giác đó là:

- A. 10 cm B. 15 cm C. 13 cm D. 25 cm

Câu 3. (0,5 điểm) Điền dấu (<; >; =) thích hợp vào chỗ chấm: 250 g + 550 g ... 800g

			không so sánh được
--	--	--	--------------------

Câu 4. (0,5 điểm) Tính giá trị biểu thức: $5075 : 5 + 3124 \times 3$.

- A. 10387 B. 12417 C. 1024 D. 1379

Câu 5. (0,5 điểm) Số “Hai mươi bảy nghìn bốn trăm linh sáu” được viết là:

- A. 27460 B. 27406 C. 27604 D. 27409

Câu 6. (0,5 điểm) Một hình vuông có độ dài một cạnh là 7 cm. Hình vuông đó có diện tích là:

- A. 28 cm
- ²
- B. 28 cm C. 49 cm
- ²
- D. 49 cm

Câu 7. (0,5 điểm) Trong tuần, bố đi làm 5 ngày, mỗi ngày 8 giờ; Bố mỗi ngày dành 120 phút cho giải trí (xem phim, câu cá và đọc sách). Ăn uống mỗi ngày mất 70 phút. Mỗi ngày bố lại ngủ 6 giờ. Hỏi bố dành nhiều thời gian nhất cho hoạt động nào?

- A. đi làm B. giải trí C. ăn uống D. ngủ

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 8. (2,0 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $41368 + 7624$

b) $58327 - 15275$

c) 7416×6

d) $16742 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. (2,0 điểm) Thu hoạch ở thửa ruộng thứ nhất được 3219 kg thóc, thửa ruộng thứ hai thu được gấp 3 thửa ruộng thứ nhất. Tính số ki-lô-gam thóc thu được ở cả hai thửa ruộng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. (1,0 điểm) Hai năm trước An 7 tuổi, và lúc đó mẹ gấp 5 lần số tuổi của An. Hỏi năm sau mẹ An bao nhiêu tuổi?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. (1,0 điểm) Tìm tích một số biết nếu lấy số đó chia cho số chẵn lớn nhất có một chữ số thì được 10 và số dư là số dư lớn nhất.

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 27

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm):

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Bài 1: (0,5 điểm) a) Chữ số 5 trong số 85 463 thuộc hàng:

A. Hàng đơn vị

B. Hàng chục

C. Hàng nghìn

b) Số bé nhất có năm chữ số là:

A. 99 999

B. 10 000

C. 100 000

Bài 2: (0,5 điểm) a) Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài 1 cạnh nhân với.....

A. 2

B. 4

C. chính nó

b) Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 2 phút =giây

A. 60

B. 120

C. 20

Bài 3: (0,5 điểm) a) Giá trị của biểu thức $40\,000 - 20\,000 \times 2$ là:

A. 40 000

B. 0

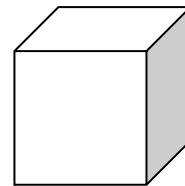
C. 20 000

b) Hình bên là:

A. Khối lập phương

B. Khối hộp chữ nhật

C. Khối trụ



Bài 4: (0,5 điểm) a) Trong hộp có 1 quả bóng màu đỏ và 1 quả bóng màu xanh, nếu lấy ra 1 quả bóng thì quả bóng đó là quả bóng màu đỏ.

A. Có thể

B. không thể

C. chắc chắn

b) Khối hộp chữ nhật có:

A. 4 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh.

B. 6 mặt, 10 cạnh, 8 đỉnh.

C. 6 mặt, 12 cạnh, 8 đỉnh.

D. 4 mặt, 12 cạnh, 12 đỉnh

Bài 5: (1,0 điểm) a) Số 120 gấp lên 3 lần thì được

A. 360

B. 40

C. 123

b) Ông Tư thu hoạch 20 000 kg khoai tây, gấp 2 lần số khoai tây của ông Năm. Vậy số khoai tây của ông Năm có là:

A. 40 000 kg

B. 10 000 kg

C. 50 000 kg

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) $35\,252 - 14\,539$

b) $2\,435 \times 5$

c) $90\,832 - 27\,989$

d) $34\,567 : 5$

Bài 2: (1 điểm) > ; < ; =

a) $3\,500 \square 3\,000 + 500$

b) $10\,234 \square 9\,899$

Bài 3: (1 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a) $61\,500 - 500 \times 3$

b) $(8\,000 + 2\,000) : 2$

Bài 4: (2 điểm) An có 1 l sữa, An để phần ông 500 ml sữa, phần còn lại An rót đều vào 2 cốc. Hỏi mỗi cốc có bao nhiêu mi-li-lít sữa?

Bài giải

Bài 5: (1 điểm) Đúng ghi Đ sai ghi S vào ô trống:

- Trung điểm của đoạn thẳng có thể không nằm trên đoạn thẳng đó

- Hình vuông có 4 góc vuông và 4 cạnh dài bằng nhau

ĐỀ 28

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Biểu thức $8 + 16 \times 5$ có giá trị là:

A. 88

B. 98

C. 120

D. 640

Câu 2: O là trung điểm của đoạn thẳng MN và $MN = 20\text{cm}$. Khi đó, độ dài của đoạn thẳng ON là :

A. 40cm

B. 30cm

C. 25cm

D. 10cm

Câu 3: Ngày 30 tháng 8 là ngày chủ nhật thì ngày 2 tháng 9 cùng năm đó là:

A. Thứ hai

B. Thứ ba

C. Thứ tư

D. Thứ năm

Câu 4: Cạnh của hình vuông là 5cm. Vậy chu vi hình vuông là:

A. 30cm

B. 25cm

C. 20cm

D. 10cm

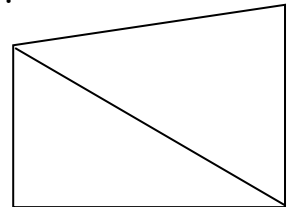
Câu 5: Số góc vuông và góc không vuông trong hình dưới đây lần lượt là :

A. 3 và 6

B. 2 và 5

C. 2 và 6

D. 3 và 4



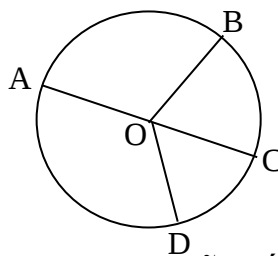
Câu 6: Cho hình tròn tâm O. Đường kính của hình tròn là:

A. BD và AC

B. CD

C. AC

D. AB và BD



II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm) Điền dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp vào chỗ chấm

4m 9dm.....49dm

7m 7cm.....770cm

$\frac{1}{4}$ của 32m.....45dm

2giờ.....110 phút

Bài 2: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

58427 + 40753

81981 – 45245

11304 $\times$ 7

36085 : 5

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: (1 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a) $1812 - 179 \times 3$

b) $(2112 + 2188) : 5$

.....

.....

.....

Bài 4: (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống ☐

a) $24 : 6 : 2 = 4 : 2$

b) $18 \times 9 : 3 = 18 : 3$

$= 2$ ☐

$= 6$ ☐

Bài 5: (2 điểm) Một miếng vườn hình chữ nhật có chiều rộng bằng 8m, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính chu vi và diện tích mảnh vườn đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 29

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Năm mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi bảy được viết là:

- A. 54827 B. 54728 C. 5420087 D. 54287

Câu 2: Mẹ mua cho Lan chiếc cặp giá 15 000 đồng và một bộ quần áo mùa hè giá 20 000 đồng. Mẹ đưa cô bán hàng 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại mẹ bao nhiêu tiền ?

- A. 10 000 đồng B. 17 000 đồng C. 20 000 đồng D. 15 000 đồng

Câu 3: Số 17 và số 14 được viết dưới dạng số La Mã là:

- A.XVII và XIII B.XVI và XIV C. XVII và XIV D. XIII và XVI

Câu 4: Chiều dài của hình chữ nhật là 7cm chiều rộng là 5cm. Vậy chu vi và diện tích của hình chữ nhật là:

- A.12cm và 35cm² B.24cm² và 35cm C.24cm và 35cm² D.6cm và 12cm²

Câu 5: Sắp xếp các số sau đây theo thứ tự từ lớn đến bé và từ bé đến lớn:

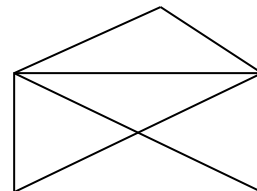
5309 ; 5903 ; 5930 ; 5093 ; 5120 ; 5102

- Từ lớn đến bé:

- Từ bé đến lớn:

Câu 6: Hình vẽ dưới đây cóhình tam giác.

Có.....đoạn thẳng.



II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (1 điểm) Tính giá trị biểu thức:

$$2132 \times 4 + 756$$

$$7924 - (1456 - 450)$$

.....

.....

.....

.....

Bài 2: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$24083 + 13269$$

$$34561 - 935$$

$$1614 \times 7$$

$$25968 : 6$$

Bài 3: (1 điểm) Số?

a. 3 giờ = phút

b. 120 phút = giờ

c. 1 năm có ngày

d. 1 giờ 40 phút = phút

Bài 5: (1 điểm)

a) $\frac{1}{3}$ của 24kg là:.....

2 giờ 5 phút =phút

b) 4m 4cm =cm

2000g = kg

Bài 5: (1 điểm) Tuần thứ nhất đội tàu của bác Tâm đánh bắt được 2350kg cá, số cá đánh bắt được tuần thứ hai gấp đôi tuần thứ nhất. Hỏi sau hai tuần đội tàu của bác Tâm đánh bắt được bao nhiêu ki – lô – gam cá?

Bài giải

Bài 6: (1 điểm) Một thư viện có 3480 quyển sách giáo khoa đựng vào 5 tủ, mỗi tủ có 3 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách?

Bài giải

ĐỀ 30
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Số hai mươi nghìn hai trăm linh hai được viết là:

- A. 2000 B. 20200 C. 20 002 D. 20 202

Câu 2: Thứ tự các số: 68 932; 8 459; 99 555; 99 655 được xếp từ bé đến lớn là:

- A. 68 932; 8 459; 99 555; 99 655 B. 8 459; 68 932; 99 555; 99 655
C. 99 655; 99 555; 68 932; 8 459 D. 8 459; 68 932; 99 655; 99 555

Câu 3: Trong chuồng có 24 con gà và 8 con vịt. Hỏi số con vịt bằng một phần mấy số con gà?

- A. 3 B. $\frac{1}{24}$ C. $\frac{1}{8}$ D. $\frac{1}{3}$

Câu 4: Một hình chữ nhật có chiều dài bằng 18cm, chiều rộng kém chiều dài 3 cm. Vậy chu vi của hình chữ nhật là:

- A. 66 cm B. 64cm C. 24cm D. 48 cm

Câu 5: (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Năm nhuận tháng 2 có.....ngày

b) 3km 25m = m

b) 2 giờ 15 phút = phút

d) 4 ngày 5 giờ = giờ

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính

21 367 + 4 258

49 283 – 5 765

17 823 × 4

48726 : 6

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: (2 điểm)

a) Tính giá trị biểu thức

$30\,507 + 27\,876 : 3$

$(45\,405 - 8221) : 4$

.....
.....

b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$..... : 7 = 2\,824$

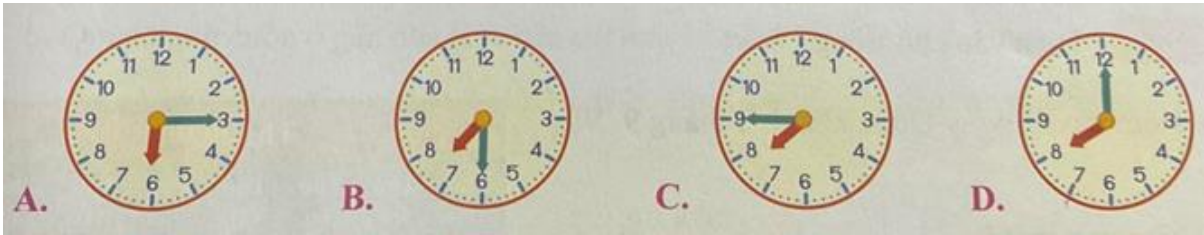
$8 \times = 2896$

Bài 4: (1,5 điểm) Trong ngày đầu mở cửa, tuyến đường sắt trên cao đã đón 25 280 lượt khách, ngày thứ hai nhiều hơn ngày thứ nhất 7140 lượt khách. Hỏi trong hai ngày tuyến đường sắt trên cao đã đón bao nhiêu lượt khách?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 6. Hôm qua, gia đình Hà đi từ Hà Nội về thăm ông bà ở Nghệ An. Cả nhà khởi hành lúc 6 giờ 15 phút sáng và mất 1 giờ 45 phút để đến Nghệ An. Đồng hồ nào dưới đây chỉ thời gian gia đình Hà về đến Nghệ An.



Câu 5. Hôm nay là thứ Năm, ngày 28 tháng 7. Còn 1 tuần nữa là đến sinh nhật Hiền. Hỏi sinh nhật Hiền là thứ mấy ngày mấy tháng mấy?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 31
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: (2 điểm)

a) Số liền sau của số 65243 là:

- A. 65 234 B. 65 244 C. 65 324 D. 65 245

b) Số lớn nhất và bé nhất trong các số : 2 467 ; 28 092 ; 28 902 ; 2476 là:

- A. 28 902 và 2476 B. 28 092 và 2467
C. 28 902 và 2467 D. 28 902 và 28 092

c) $\frac{1}{4}$ ngày = giờ

- A. 15 giờ B. 28 giờ C. 64 giờ D. 6 giờ

Câu 2: (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 15m 20mm =mm

b) $\frac{1}{4}$ km = m

c) 14 kg = g

d) 3 giờ 15 phút = phút

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (2 điểm) : Đặt tính rồi tính

$$64\,371 - 5138$$

$$26\,704 + 8969$$

$$4126 \times 6$$

$$25968 : 3$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: (2 điểm)

a) Tính giá trị biểu thức:

$$23537 + 182 \times 8$$

.....

.....

$$3540 : 3 \times 6 =$$

.....

.....

$$(45527 - 159) \times 4 =$$

.....

.....

$$54488 + 876 : 6 =$$

.....

.....

b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$..... + 217 = 1892$$

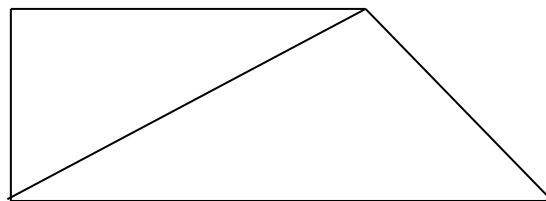
$$..... - 613 = 316$$

Bài 3: (1 điểm) Một cửa hàng ngày đầu bán được 120 m vải, ngày thứ hai bán được bằng $\frac{1}{3}$ số mét vải trong ngày đầu. Hỏi cả hai ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4: (1 điểm)



Trong hình trên có.....góc vuông;

Có.....góc không vuông.

Bài 5: (1 điểm) a, Làm tròn các số sau đến hàng nghìn:

48 647, 85 162, 13 819, 55 220, 34 557

.....

b, Làm tròn các số sau đến hàng chục nghìn:

44 267, 67 447, 20 999, 34 089, 63 678

.....

ĐỀ 32
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: (2 điểm) a) Điền vào chỗ chấm:

Đọc số	Viết số
.....	80 068
Ba mươi bốn nghìn không trăm mười hai	
.....	20 005
Bảy mươi ba nghìn bốn trăm mười	

b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$3\text{km } 15\text{m} = \dots\dots\dots\text{m}$$

$$\frac{1}{4} \text{ giờ} = \dots\dots\dots\text{phút}$$

$$\frac{1}{2} \text{ ngày} = \dots\dots\dots \text{giờ}$$

$$4 \text{ kg } 12 \text{ g} = \dots\dots\dots \text{g}$$

Câu 2: (1 điểm) a) Viết tiếp vào chỗ chấm:

Số liền trước và liền sau của số 82 599 là:;

b) - Các số viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 87546; 87654; 78546; 87546. B. 78456; 87546; 78564; 87654

C. 78456; 78546; 87546; 87654. D. 78546; 78456; 87654; 87546

- Số lớn nhất và bé nhất trong các số: 24 538; 24 358; 24 835; 24 853 là:

A. 24 538 và 24 358

B. 24 853 và 24 835

C. 24 835 và 24 358

D. 24 853 và 24 358

- Hình chữ nhật ABCD có kích thước như hình vẽ:

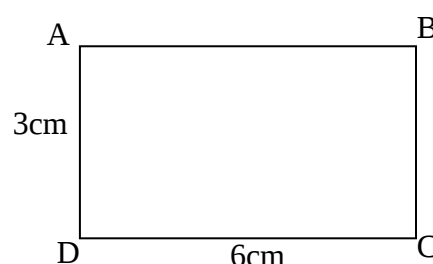
Chu vi và diện tích hình chữ nhật ABCD là:

A. 9cm; 18cm²

B. 18cm; 9cm²

C. 18cm; 18cm²

D. 18cm²; 18cm



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính

46 127 + 4356

64971 – 51938

4126 × 3

46704 : 8

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: (3 điểm)

a) Tính giá trị biểu thức:

7 + 1850 × 5 =

(45127 – 52) × 4 =

.....

3981 : 3 × 2 =

88 + 4872 : 6 =

.....

b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

..... × 3 = 648

3816 + = 94752

Bài 3: (1 điểm) Mẹ đi chợ mua của cô Hà 2 túm vải thiều, mỗi túm cân nặng 3 kg. Một ki-lô-gam vải thiều có giá 16 000 đồng. Hỏi mẹ cần trả cho cô Hà bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: (1 điểm) Điền dấu phép tính + ; - ; × hoặc : vào ô trống để được phép tính đúng:

a) 5 6 3 = 10

b) 54 9 2 = 4

c) 27 9 3 = 15

d) 27 9 3 = 6

ĐỀ 33

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Số liền trước của số 16 500 là:

- A. 16 501 B. 16 502 C. 16 499 D. 16 488

Câu 2: Tổng của các số : $50000 + 400 + 30 + 5$ viết thành số:

- A. 5 435 B. 54 305 C. 54 035 D. 50 435

Câu 3: Số sáu mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi một viết là:

- A. 69 721 B. 69 271 C. 69 731 D. 69 371

Câu 4: Dấu thích hợp để điền vào ô trống là: 67 628 67 728

- A. < B. > C. = D. không có dấu

Câu 5: Cạnh hình vuông là 10cm. Vậy diện tích hình vuông là:

- A. 40cm^2 B. 80cm^2 C. 100cm D. cả ba đều sai

Câu 6: Trong một năm những tháng có 31 ngày là:

- A. 1; 3; 5; 7; 9; 11. B. 1; 3; 5; 7; 8; 10; 12.
C. 2; 4; 6; 9; 11. D. 2; 3; 5; 7; 8; 10; 12.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

81 918 – 45 245 2645×8 $32\,606 + 4856$ $67280 : 7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: (2 điểm) a) Tính giá trị biểu thức:

$476 + 1048 : 4$

$126 \times 7 - 3165 : 5$

.....
.....

b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

..... - 636 = 5 618

1508 : = 4

Bài 3: (1 điểm) Điền dấu phép tính + ; - ; $\times$ hoặc : vào ô trống để được phép tính đúng

a) $64 \square 8 \square 4 = 32$

b) $32 \square 4 \square 2 = 4$

c) $5 \square 3 \square 3 = 18$

d) $27 \square 9 \square 3 = 0$

Bài 4: (1 điểm) Nhân dịp Tết Trung Thu năm 2011 nhà trường mua 210 hộp bánh, mỗi hộp có 4 cái bánh. Số bánh đó được đem chia hết cho các bạn, mỗi bạn được hai cái bánh. Hỏi có bao nhiêu bạn được nhận bánh ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5: (1 điểm) Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 38m, chiều rộng 9m . Tính chu vi khu đất đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐỀ 34

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS:..... Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: (2 điểm)

- a) Trong cùng một năm, ngày 26 tháng 4 là ngày thứ tư thì ngày 1 tháng 5 là:
A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm
- b) Cho phép trừ: $\square 3\ 669 - 23\ 154 = 60\ 515$. Chữ số thích hợp viết vào ô trống là:
A. 6 B. 7 C. 8 D. 9
- c) Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $9\text{m } 4\text{cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$
A. 94 B. 904 C. 940 D. 9004
- d) Kết quả của phép chia $24\ 360 : 6$ là:
A. 46 B. 460 C. 406 D. 4060

Câu 2: (1 điểm) Viết số vào chỗ chấm:

- Tám mươi bảy nghìn tám trăm mười hai:
- Hai mươi sáu nghìn ba trăm linh năm:
- Tám mươi chín nghìn một trăm ba mươi:
- Hai mươi nghìn một trăm linh hai:

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$54\ 275 + 22107$ $75\ 362 - 24\ 935$ 4805×4 $20645 : 5$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: (1 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a) $239 + 1267 \times 3$

b) $2505 : (403 - 398)$

.....

Bài 3: (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

..... $\times 7 = 4123$

..... $: 8 = 2560$

Bài 4: (1 điểm) Một hình chữ nhật ABCD có chiều dài 4dm, chiều rộng 9cm.

a) Tính chu vi hình chữ nhật ABCD.

b) Tính diện tích hình chữ nhật ABCD.

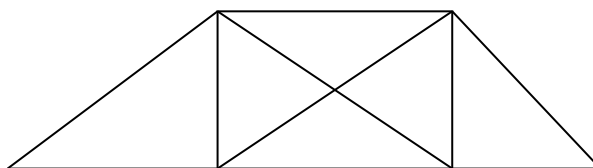
.....

Bài 5: (1 điểm) Một cửa hàng có 65 015 quyển vở. Người chủ cửa hàng đã bán cho 4 trường tiểu học, mỗi trường 14 042 quyển vở. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu quyển vở ?

Bài giải

.....

Bài 8: (1 điểm) Trong hình dưới đây có:hình tam giác;
 có: hình tứ giác.



Bài 9. Hoa có 4 tờ tiền loại 20 000 đồng. Hoa muốn mua vài quyển vở ô ly nhưng số tiền hiện có chỉ đủ cho Hoa mua 5 quyển. Hỏi mỗi quyển vở ô ly đó có giá bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

ĐỀ 35

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS:..... Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: (1.5 điểm)

a) 13m 5cm =.....cm

- A. 135 cm B. 1035cm C. 1350 cm D. 1305cm

b) $\frac{1}{4}$ của 340m là:

- A. 85 B. 1360m C. 85m D. 344m

c) Đoạn thẳng AB dài 42 cm. Trung điểm của đoạn thẳng AB là:

- A. 21cm B. 84cm C. 21dm D. 44cm

d) Thời gian từ 8 giờ kém 5 phút đến 8 giờ 15 phút là:

- A. 15 phút B. 20 phút C. 25 phút D. 30 phút

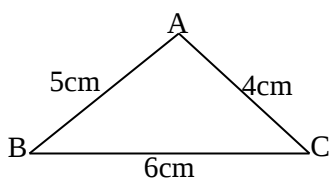
e) Chu vi hình vuông là 20cm. Vậy diện tích hình vuông là:

- A. 80cm² B. 25cm² C. 100cm² D. cả ba đều sai

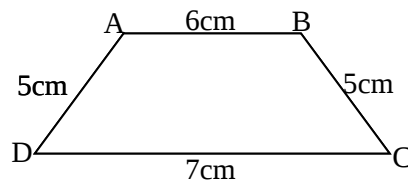
g) Trong một năm nhuận ngày 28 tháng 2 là thứ bảy, ngày 2 tháng 3 là thứ mấy ?

- A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm

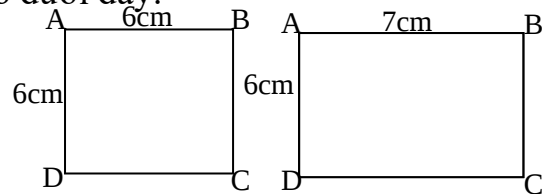
Câu 2: (1,5 điểm) a) Điền kết quả chu vi các hình có số đo dưới đây:



.....



.....



.....

b) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn:

65 371; 75 631; 55 731; 65 713; 65 317; 75 316.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (1,5 điểm) a) Tính giá trị biểu thức:

$$21\,507 \times 3 - 18\,799$$

.....

.....

$$(70\,855 - 50\,232) \times 3$$

.....

.....

b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$\dots \times 6 = 5\,628$$

$$64\,508 - \dots = 26\,429$$

Bài 2: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$58\,457 + 2\,744$$

$$12\,165 \times 5$$

$$95\,300 - 31\,407$$

$$84\,848 : 8$$

Bài 3: (1 điểm) Một cửa hàng có 3 336kg xi măng, cửa hàng đó đã bán $\frac{1}{3}$ số xi măng. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam xi măng?

Bài giải

Bài 4: (1 điểm) Một cửa hàng có 7 cuộn vải, mỗi cuộn dài 45m, cửa hàng đã bán $\frac{1}{3}$ số vải đó. Hỏi cửa hàng bán bao nhiêu mét vải?

Bài giải

Bài 5. (1,5 điểm) Số?

Số	6 416	5 253	7 537	2 534
Làm tròn đến hàng chục				
Làm tròn đến hàng trăm				
Làm tròn đến hàng nghìn				
Làm tròn đến hàng chục nghìn				

ĐỀ 36
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
 (Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1: Số “Tám mươi tư nghìn sáu trăm hai mươi một” viết là:

- A. 84 621 B. 8 621 C. 84 261 D. 86 241

Câu 2: Làm tròn số 56 485 đến hàng chục nghìn ta được

- A. 56 000 B. 60 000 C. 56 500 D. 56 490

Câu 3: Số liền sau của số 64 099 là

- A. 65 000 B. 64 010 C. 64 100 D. 64 000

Câu 4: Số 9 được viết bằng chữ số La Mã là:

- A. XIV B. IX C. XI D. XIII

Câu 5: Một hình vuông có cạnh là 7cm. Diện tích của hình vuông đó là:

- A. 14cm^2 B. 32cm^2 C. 49cm^2 D. 56cm^2

Câu 6: Đồng hồ hình bên chỉ:

- A. 4 giờ 10 phút B. 4 giờ 11 phút
 C. 4 giờ 12 phút D. 4 giờ 13 phút



II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (1 điểm) Số ?

- a, 2 giờ 20 phút = phút c, 1 tuần 5 ngày = ngày
 b, 3 ngày 6 giờ = giờ d, 1 năm 8 tháng = tháng

Bài 2: (2 điểm) a) Tính giá trị biểu thức:

$$476 + 1047 \times 6$$

$$4508 - (2148 + 365)$$

.....

.....

.....

.....

b, Số ? : $1998 + \dots = 2007$

$\dots \times 6 = 4344$

Bài 3: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

56 656 + 14 272

96 074 – 67 026

35 317 x 2

57 678 : 3

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: (1 điểm) Một hình chữ nhật có chiều dài 53cm, chiều rộng 8cm.

- a) Tính chu vi hình chữ nhật.
- b) Tính diện tích hình chữ nhật.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: (1 điểm) Một kho chứa 27 280kg thóc nếp và thóc tẻ, số thóc nếp bằng $\frac{1}{4}$ số thóc trong kho. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 37

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. a. Số liền trước của số 9000 là:

A. 8000

B. 8990

C. 9001

D. 8999

b. Kết quả của $1509 \times 7 = ?$

A. 10573

B. 7503

C. 10563

D. 7431

Câu 2. Số gồm 2 chục nghìn, 3 nghìn, 8 trăm, 5 chục và 2 đơn vị viết là:

A. 32 852

B. 23 582

C. 32 258

D. 23 852

Câu 3. Cho dãy số: 76 521; 32 362; 76 009; 7 219. Số lớn nhất trong dãy số bên là:

A. 76 521

B. 32 362

C. 76 009

D. 7219

Câu 4. Số 19 viết theo số La Mã là:

A. XVIII

B. XIX

C. XIV

D. XVII

Câu 5.a. Có 8 bao ngô đựng được 1 280 kg. Hỏi mỗi bao đựng được bao nhiêu ki-lô- gam ngô?

A. 160 kg

B. 8240 kg

C. 480 kg

D. 408 kg

b. 2 giờ = phút”. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 60

B. 180

C. 90

D. 120

Câu 6 a. Chu vi hình chữ nhật có chiều dài 12 cm và chiều rộng 8 cm là:

A. 40 cm

B. 20 cm

C. 96 cm

D. 22 cm

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 7. Đặt tính rồi tính:

a) $52\,867 + 9103$

b) $49\,086 - 27\,548$

c) $12\,507 \times 5$

d) $28\,960 : 4$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8: Tính giá trị của biểu thức:

a) $1759 + 608 \times 3$

b. $(2\,794 + 2\,254) : 2$

.....

.....

Bài 9: Theo kế hoạch, mỗi tổ công nhân phải trồng 25 700 cây. Tổ đã trồng được $\frac{1}{5}$ số cây đó.

Hỏi theo kế hoạch tổ đó còn phải trồng bao nhiêu cây nữa?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 10: Tìm một số biết rằng nếu giảm số đó đi 2 lần, rồi lại giảm tiếp đi 5 lần thì được thương là số lẻ lớn nhất có 1 chữ số.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$1\,228 \times 3$

$1\,603 + 3\,208$

$2\,250 : 5$

$4\,613 - 3\,114$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Có 6 thùng sách, mỗi thùng đựng 1 236 quyển. Số sách đó được chia đều cho 4 thư viện.
Hỏi mỗi thư viện nhận được bao nhiêu quyển sách?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Trong một phép chia có dư, số chia là số lớn nhất có một chữ số, thương là số lẻ nhỏ nhất có 4 chữ số khác nhau và số dư là số lớn nhất có thể. Tìm số bị chia.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 39**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026****(Thời gian làm bài: 40 phút)**

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

PHẦN I: Trắc nghiệm (4 điểm) Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu**Câu 1:** (0,5 điểm) Số gồm 5 chục nghìn, 3 nghìn, 7 trăm, 2 chục, 8 đơn vị là:

- A. 57 328 B. 53 728 C. 53 287 D. 35 728

Câu 2: (0,5 điểm) Số La Mã XV được đọc là:

- A. Mười B. Mười năm C. Mười lăm D. Mười sáu

Câu 3: (0,5đ) Làm tròn số 23 537 đến hàng nghìn ta được số

- A. 24 000 B. 30 000 C. 20 000 D. 23 500

Câu 4: (0,5 điểm) Trong các số 38 756; 47 893; 15 918; 23 000 số nhỏ nhất là:

- A. 38 756 B. 47 893 C. 23 000 D. 15 198

Câu 5: (0,5 điểm) Chu vi hình chữ nhật có chiều dài 42dm, chiều rộng 34dm là:

- A. 38dm B. 78dm C. 152dm D. 76dm

Câu 6: (0,5 điểm). Em hãy đếm trong lớp học của mình rồi ghi vào chỗ chấm

Trong lớp học của em có cái quạt trần và cócửa sổ.

Câu 7: (0,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S.

Trong hộp có 2 quả bóng màu xanh và 2 quả bóng màu xám. Bình không nhìn vào hộp lấy ra 3 quả bóng.

a. Bình chắc chắn lấy được 2 quả bóng màu xanh.

☐

b. Bình có thể lấy được 3 quả bóng màu xám.

☐

c. Bình chắc chắn lấy được 1 quả bóng màu xám.

☐

d. Bình không thể lấy được 3 quả bóng màu xanh.

☐**Câu 8:** (0,5 điểm). Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp

Tháng Hai của một năm có 29 ngày. Nếu tháng đó có 5 ngày Chủ nhật thì ngày 3 tháng 2 là thứ

Phần II: Tự luận (6 điểm)

Câu 9: Đặt tính rồi tính. (2điểm)

40 729 + 51 435

81 772 – 7258

24 082 x 3

12 016 : 8

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: (2 điểm) Tuần thứ nhất đội tàu của bác Hoàng đánh bắt được 2350kg cá, số cá đánh bắt được tuần thứ hai gấp đôi tuần thứ nhất. Hỏi cả hai tuần đội tàu của bác Hoàng đánh bắt được bao nhiêu ki-lô-gam cá?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11: (1 điểm) Một tấm bìa hình vuông có chu vi là 32cm. Tính diện tích của tấm bìa đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12: (1 điểm)

a) Dùng các số từ 1 đến 9 điền vào ô vuông dưới đây (mỗi số chỉ được dùng một lần) để có:

x

=

x

b) Tính bằng cách thuận tiện nhất: (18 x 2 - 36) x (1 + 3 + 5 + 7 + 9)

.....

.....

ĐỀ 40

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS:..... Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1: Chữ số 8 trong số 78 362 có giá trị là: (0,5đ)

- A. 8000 B. 800 C. 80 D. 8

Câu 2: Số liền trước của số 100 000 là: (0,5đ)

- A. 99 999 B. 90 000 C. 99 909 D. 100 001

Câu 3: Số gồm 7 chục nghìn, 4 nghìn, 7 trăm, 5 đơn vị là: (0,5đ)

- A. 4757 B. 70 457 C. 74 705 D. 70 475

Câu 4: Trong các số La Mã sau, số nào lớn hơn X nhưng bé hơn XV? (0,5đ)

- A. XIV B. XVII C. XXI D. X

Câu 5: Sau khi sáp nhập, xã Đại An mới có dân số là 28 838 người. Trong bài báo, cô phóng viên đã làm tròn số dân của xã đến hàng chục nghìn. Hỏi số dân đã làm tròn đến hàng chục nghìn là số nào? (0,5đ)

- A. 28 000 B. 28 800 C. 29 000 D. 30 000

Câu 6: Linh được bố cho 50 000 đồng, mẹ cho 25 000 đồng để đi mua đồ. Hãy xem mệnh giá của từng đồ vật sau và điền các từ ***có thể, không thể, chắc chắn*** vào chỗ chấm trong các câu dưới đây: (1đ)

Bỏ ngô	Gấu bông	Kẹo bông	Vòng tay
15 000 đồng	80 000 đồng	10 000 đồng	25 000 đồng

- Linh mua được gấu bông.
- Linh mua được vòng tay và kẹo bông.
- Linh mua được tất cả bốn món đồ.
- Linh mua được gấu bông và kẹo bông nếu được bố cho thêm 15 000 đồng nữa.

Câu 7: Mỗi lần người ta chuyển 5 250kg thóc vào kho. Hỏi sau 3 lần chuyển như vậy, người

ta chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam thóc vào kho? (0,5đ)

- A. 5750kg B. 15 750kg C. 15 253kg D. 25 753kg

Câu 8: Điền đúng (Đ), sai (S) vào ô trống (1đ)

a. Trong hình tròn, bán kính dài bằng hai lần đường kính.

☐

b, Khối hộp chữ nhật và khối lập phương đều có 8 đỉnh, 6 mặt và 12 cạnh.

☐

c) Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng.

☐

d) Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

☐

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 9: Đặt tính rồi tính: (2đ)

$$52\,867 + 9103$$

$$49\,086 - 27\,548$$

$$12\,507 \times 3$$

$$28\,960 : 4$$

Câu 10: Tính giá trị biểu thức: (1đ)

$$1759 + 608 \times 3$$

$$30\,000 + 60\,000 : 2$$

Câu 11: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 20m, chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn đó? (1đ)

Bài giải

Câu 12: Tìm một số, biết nếu lấy số đó chia cho số chẵn lớn nhất có một chữ số thì được kết quả là 10 và số dư là số dư lớn nhất (1đ)

ĐỀ 41

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

A. Phần trắc nghiệm: (3 điểm)

Câu 1: Viết tiếp vào chỗ chấm (0,5 điểm).

a) Số 67503 đọc là:.....

b) Số hai chục nghìn, bảy trăm, ba chục viết là:.....

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 2: Số 11 viết theo số La Mã là: (0,5 điểm)

A. XVI B. XI C. XIX D. IX

Câu 3: Hình chữ nhật có chiều dài 13 cm, chiều rộng bằng 4 cm. Diện tích hình chữ nhật đó là: (0,5 điểm)

A. 52 cm² B. 52 cm C. 42 cm² D. 108 cm

Câu 4: Một hình vuông có cạnh 8 cm. Chu vi hình vuông là: (0,5 điểm)

A. 41 cm B. 32 cm² C. 16 cm D. 32 cm

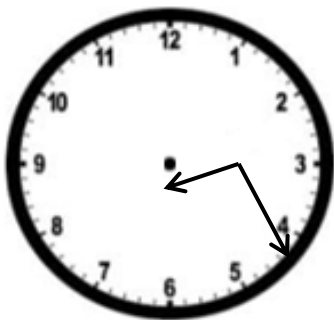
Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Câu 5: Làm tròn số đến hàng nghìn: (0,5 điểm)

84 541 $\longrightarrow$

Câu 6:

Đồng hồ chỉgiờ.....phút. (0,5 điểm)



B. Phần tự luận: (7 điểm)

Câu 7: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

34 164 + 8 350

48 189 – 32 253

22 302 x 3

46 134 : 9

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8: Tính giá trị biểu thức: (2 điểm)

14 344 + 21 013 x 4

63 354 – (1 160 + 1 140)

.....

.....

.....

.....

Câu 9: Một đội trồng cây có 22 150 cây bưởi, số cây na gấp 4 lần số cây bưởi. Hỏi đội trồng cây có tất cả bao nhiêu cây bưởi và cây na? (2 điểm)

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10: (1 điểm) Tìm tổng của số lớn nhất có 4 chữ số và số nhỏ nhất có 4 chữ số khác nhau

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 42

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3

Năm học: 2025 - 2026

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu

Câu 1. (1 điểm)

a) Làm tròn số 5 285 đến hàng trăm ta được số:

- A. 5 200 B. 5 280 C. 5 290 D. 5 300

b) Làm tròn số 15 285 đến hàng chục nghìn ta được số:

- A. 15 000 B. 16 000 C. 20 000 D. 15 300

Câu 2. (1 điểm)

a) Số tám mươi tư nghìn ba trăm linh lăm viết là:

- A. 84 305 B. 84 350 C. 80 435 D. 8435

b) Số 21 viết theo số La Mã là:

- A. XXVI B. XXI C. XIX D. IXX

Câu 3. (1 điểm) Lan được bố cho 27 000 đồng, mẹ cho 26 000 đồng để đi trải nghiệm cùng lớp. Hãy xem giá của từng đồ vật sau và chọn các từ: *có thể, không thể, chắc chắn* điền vào chỗ chấm:

 Khoai tây chiên – 15 000 đồng

 Thỏ bông – 70 000 đồng

 Kẹo dẻo – 10 000 đồng

 Đồng hồ tay – 25 000 đồng

 Bánh gato – 24 000 đồng

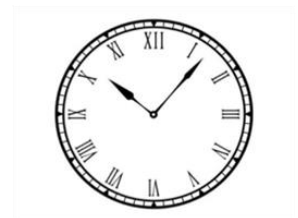
- Lan..... mua được gấu bông.

- Linh mua được hai đồ vật.

Câu 4. (1 điểm)

a) Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?

- A. 10 giờ 5 phút B. 1 giờ 50 phút
C. 10 giờ 7 phút D. 1 giờ 52 phút



b) 1 giờ = phút. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

3

- A. 12 B. 15 C. 20 D. 30

Câu 5: (1 điểm) Một hình chữ nhật có chiều rộng 6 cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Diện

tích của hình chữ nhật là:

- A. 66 cm^2 B. 72 cm^2 C. 73 cm^2 D. 75 cm^2

Câu 6. (0,5 điểm) Tìm một số biết rằng nếu lấy số đó chia cho 7 thì được thương là 405. Số đó là:

- A. 2835 B. 835 C. 2805 D. 235

II. Phần tự luận:

Câu 7. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

- a) $3618 + 4847$ b) $7668 - 6519$ c) 3241×3 d) $1278 : 3$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8: Tính giá trị của biểu thức (1 điểm)

- a. $508 - 448 : (8 - 4)$ b. $56 \times (15 - 9) : 8$

.....

.....

.....

Câu 9: Số? (1 điểm)

a) Một phép chia có số chia là 5, số dư là 1, để phép chia là phép chia hết thì số bị chia cần giảm đi đơn vị.

b) Tìm số điền vào ô trống, biết, $128 : \dots = 25$ (dư 3)

Câu 10: (1,5 điểm) Xe thứ hai chở được 1240kg gạo, xe thứ nhất chở được gấp 3 lần xe thứ hai. Hỏi cả hai xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 43
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1: (0,5đ)

a. Làm tròn số đến hàng nghìn: 65 341 $\longrightarrow$

b. Nối:

Số La Mã
XX
XV
XVIII
XIV

Số
18
14
20
15

Câu 2: (0,5 đ) Hình chữ nhật có chiều dài 18cm, chiều rộng bằng 6cm. Diện tích hình chữ nhật đó là:

A. 48 cm² B. 48 cm C. 108 cm² D. 108 cm

Câu 3: (0,5 đ) Giá trị của biểu thức $2\ 036 \times 3 + 3759$ là:

A. 6 108 B. 9 867 C. 9 866 D. 9 869

Câu 4: (0,5 đ) Đúng điền Đ, sai điền S vào ô trống:

Trong hội chợ Tết, bác Nam, bác Hùng và bác Dũng bốc thăm mã số trúng thưởng. Trong thùng còn lại năm số từ 12 436 đến 12 440. Bác Dũng bốc được số 12 438. Như vậy:

- A. Bác Nam không thể bốc được số 12 438. ☐
- B. Bác Hùng chắc chắn bốc được số 12 439. ☐
- C. Bác Hùng có thể bốc được số 12 440 ☐

Câu 5: (1 đ)

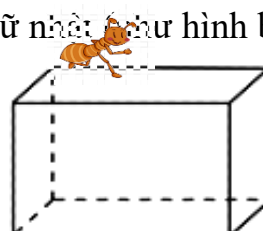
a) 3 tuần = ngày

b) Đồng hồ ở hình bên chỉgiờ.....phút.

c) Kiến July đã bò lần lượt qua hết các cạnh của khối hộp chữ nhật (như hình bên).

Biết mỗi cạnh July chỉ bò 1 lần.

Vậy khối hộp chữ nhật có cạnh.

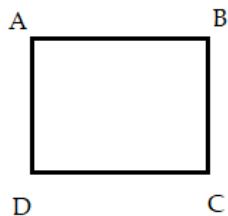


d) Hà được mẹ cho hai tờ 10 000 đồng để mua bút. Số tiền Hà được mẹ cho:.....đồng

Câu 6 (0,5 đ) Nếu một cây bút chì dài khoảng 15 cm, thì bút chì dài hơn hay ngắn hơn 1 mét?

- A. Dài hơn. B. Ngắn hơn. C. Bằng nhau. D. Không thể so sánh.

Câu 7. (0,5 đ) Hình dưới đây có bao nhiêu góc vuông?



- A. 1 góc vuông B. 2 góc vuông C. 3 góc vuông D. 4 góc vuông

B. PHẦN TỰ LUẬN:(6 điểm)

Câu 8: (2đ) Đặt tính rồi tính:

$$45\,274 + 14\,352$$

$$86\,789 - 78\,495$$

$$2\,245 \times 4$$

$$3\,669 : 3$$

Câu 9: (1đ) Tìm thành phần chưa biết:

a. + 14 25 = 24 376

b. - 42 567 = 15 465

Câu 10: (2đ) Một nông trường có 2 325 cây chanh, số cây cam gấp 3 lần số cây chanh. Hỏi nông trường có tất cả bao nhiêu cây chanh và cây cam?

Bài giải

Câu 11: (1đ) Tìm hiệu của số lớn nhất có 5 chữ số và số nhỏ nhất có 5 chữ số giống nhau

Bài giải

ĐỀ 44
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1 (0,5 đ): Số liền sau của 99 998 là

- A. 99 997 B. 99 999 C. 100 000

Câu 2 (0,5 đ): Trong hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng. Khi lấy một quả bóng từ trong chiếc hộp thì có mấy khả năng xảy ra

- A. 3 B. 2 C. 1

Câu 3 (0,5đ): Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 4000 m =km

Câu 4 (0,5 đ): Trong giờ thực hành đo độ dài, Minh dùng thước để đo chiều dài một chiếc bút. Khi đặt thước, Minh thấy đầu bút nằm đúng tại vạch 2 cm và cuối bút nằm tại vạch 11 cm. Chiều dài của chiếc bút là:

- A. 11 cm B. 9 cm C. 13 cm

Câu 5 (0,5đ): Một hình vuông có chu vi là 20 cm. Vậy cạnh của hình vuông đó là: cm?

Câu 6 (0,5đ): Cho biểu thức: $216 + ? = 963 : 3$. Giá trị của ? trong biểu thức trên là:

- A. 105 B. 106 C. 107

Câu 7 (0,5đ): Một hình chữ nhật có chiều rộng 7m, Chiều dài 16m. Chu vi hình chữ nhật đó là bao nhiêum?

Câu 8 (0,5đ): Một miếng bánh hình vuông có cạnh 6cm.

Diện tích miếng bánh đó là: cm^2

PHẦN II: TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9 (1,0đ). Tính giá trị biểu thức

$63\,45 : 3 + 21\,826$ $42\,890 - (4\,815 \times 5)$

.....
.....

Câu 10 (2,0đ): Đặt tính rồi tính.

13 537 + 35 843

58 552 – 5 624

20 081 × 4

97 563 : 3

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11 (2,0 đ): Mai mua một chiếc bút chì hết 4000 đồng, một quyển vở hết 7000 đồng. Mai đưa cho cô bán hàng 20 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại cho Mai bao nhiêu tiền?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12: (1,0đ): Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a. 25 x 7 x 4

b. 99 + 87 + 101 + 13

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 45
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1. (1 điểm)

a) Số 58 890 làm tròn đến hàng nghìn được số là:

A. 58 000 B. 58 800 C. 58 900 D. 59 000

b) Số gồm 5 chục nghìn, 5 nghìn, 9 trăm, 3 chục, 6 đơn vị được viết là:

A. 55963 B. 50593 C. 55936 D. 55935

Câu 2: (1 điểm)

a. Một hình vuông có cạnh là 8cm. Diện tích của hình vuông đó là:

A. 32 cm² B. 64 cm² C. 64 cm D. 640 cm²

b. Hình chữ nhật có chiều dài là 24cm, chiều rộng là 16cm thì chu vi là:

A. 40 cm B. 40 cm² C. 80 cm² D. 80 cm

Câu 3. (0,5 điểm) Nam đi từ nhà đến trường hết 25 phút. Nam đến trường lúc 6 giờ 40 phút. Nam bắt đầu đi từ nhà lúc

A. 7 giờ B. 7 giờ 10 phút C. 8 giờ kém 15 phút D. 6 giờ 15 phút

Câu 4. (0,5 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

..... tờ 10 000 đồng đổi được 1 tờ 100 000 đồng

Một tờ 200 000 đồng đổi được 2 tờ 50 000 đồng và tờ 20 000 đồng

Câu 5. (0,5 điểm) Cho các số: 4578, 3427, 5621, 345. Các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 4578, 3427, 5621, 345 B. 3427, 345, 4578, ,5621,

C. 5621 4578, 3427,345 D. 345, 3427, 4578, 5621,

Câu 6. (0,5 điểm) Thương của số chẵn lớn nhất có 5 chữ số và 2 là:

A. 49999 B. 49879 C. 48999 D.49888

Câu 7. (0,5 điểm) Cho bảng số liệu về số học sinh của các khối lớp trong Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi như sau:

Khối lớp	Một	Hai	Ba	Bốn	Năm
Tổng số học sin	27	40	49	42	45

Dựa vào bảng số liệu, em hãy điền kết câu trả lời thích hợp vào chỗ trống:

Khối lớp có số học sinh nhiều nhất là khối lớp

Khối lớp có số học sinh ít nhất là khối lớp

Câu 8. (0,5 điểm) Ước lượng chiều dài của chiếc bàn học trong lớp của em khoảng:

- A. 80 cm B. 80 dm C. 2 m D. 1 m

Phần 2. Tự luận: (5 điểm)

Câu 9: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$12\,728 + 44\,450$

$75\,462 - 42\,826$

$20\,510 \times 3$

$18790 : 2$

Câu 10. (2 điểm) Một cửa hàng tuần thứ nhất bán được 21 750 lít xăng, tuần thứ hai bán được ít hơn tuần thứ nhất 2 310 lít xăng. Hỏi cả hai tuần cửa hàng bán được bao nhiêu lít xăng?

Câu 11. (1 điểm)

- a. Tìm hiệu của số lớn nhất có 5 chữ số và số nhỏ nhất có năm chữ số khác nhau.

- b. Tính bằng cách thuận tiện:

$15 \times 2 + 15 \times 3 + 15 \times 5$

ĐỀ 46
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1. (0,5 điểm) Số gồm 5 chục nghìn, 6 trăm, 2 chục, 3 đơn vị được viết là:

- A. 5 623 B. 50 623 C. 56 203 D. 56 023

Câu 2. (0,5 điểm) Làm tròn số 98 540 đến hàng nghìn ta được số là:

- A. 99 540 B. 99 000 C. 98 000 D. 100 000

Câu 3. (0,5 điểm) Số bé nhất trong các số: 65 420; 66 420; 57 273; 56 834 là:

- 5 420 6 420 7 273 6 834

Câu 4. (0,5 điểm) Một chiếc đồng hồ chỉ thời điểm mà kim phút ở số 4 và kim giờ nằm giữa số 2 và số 3. Hỏi lúc đó là mấy giờ?

- A. 2 giờ 20 phút B. 2 giờ 25 phút C. 3 giờ 20 phút D. 14 giờ 20 phút

Câu 5. (0,5 điểm) Số 19 được viết dưới dạng số La Mã là:

- A. IXX B. XIX C. XXI D. XII

Câu 6. (0,5 điểm) Chủ nhật tuần này là ngày 19 thì thứ Bảy tuần tới là ngày nào?

- A. Ngày 25 B. Ngày 27 C. Ngày 28 D. Ngày 13

Câu 7. (0,5 điểm) Bảng dưới đây cho biết số tiền tiết kiệm của hai bạn Mai và Nam trong một tuần.

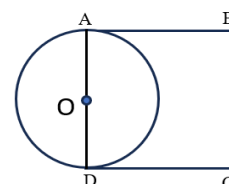
Bạn	Số tờ tiền		
	5 000 đồng	10 000 đồng	20 000 đồng
Lan	2	1	1
Hoa	1	2	0

Cả hai bạn tiết kiệm được tất cả bao nhiêu tiền?

- A. 50 000 đồng B. 55 000 đồng C. 60 000 đồng D. 65 000 đồng

Câu 8. (0,5 điểm) Hình tròn tâm O có bán kính 4 cm. Chu vi của hình vuông ABCD là:

- A. 20 cm B. 32 cm
C. 80 cm d. 100 cm



Câu 9. (2,0 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$23\,476 : 4$$

Câu 11. (1,0 điểm) Tính giá trị biểu thức

b, 2 x 45 000 : 9

Câu 12. (1,0 điểm) Nam nghĩ ra một số. Biết số đó chia cho 4 thì được thương là 2025 và số dư là số dư lớn nhất có thể. Tìm số Nam nghĩ.

ĐỀ 47
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1: Số lớn nhất trong các số: 8 576; 8 756; 8 765; 8 675 là:

- A. 8 576 B. 8 756 C. 8 765 D. 8 675

Câu 2: Một miếng phô mai hình tam giác có độ dài lần lượt các cạnh là: 2 dm, 24 cm, 34 cm. Hỏi chu vi miếng phô mai là bao nhiêu?

- A. 80 cm B. 60 cm C. 78 cm D. 87 cm

Câu 3: Đúng điền (Đ), sai điền (S) vào ô trống.

a) $3045 : 6 = 507$ (dư 3) ☐

b) $4284 : 2 = 2142$ (dư 1) ☐

Câu 4: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 264 m, chiều dài 78 m. Tính chiều rộng mảnh vườn đó.

- A. 218 m B. 9 m C. 54 m D. 45 m

Câu 5: Điền dấu >, <, = $46\,729 \dots\dots 40\,000 + 6000 + 800 + 20 + 9$

Câu 6: Trong hội chợ do nhà trường tổ chức, Minh và Yến làm bánh ngô để bán lấy tiền ủng hộ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Dưới đây là số tiền để mua những nguyên liệu làm bánh ngô của các bạn ấy.

Loại	Số tiền
Bột mì	30 000 đồng
Đường kính	15 000 đồng
Ngô	20 000 đồng

Số tiền Minh và Yến cần chuẩn bị để mua số nguyên liệu trên là:

- A. 30 000 đồng B. 65 000 đồng C. 75 000 đồng D. 60 000 đồng

Câu 7: Đồng hồ có kim phút chỉ vào số 4, kim giờ chỉ qua số 2 một chút. Hỏi đồng hồ chỉ mấy giờ?

- A. 2 giờ 20 phút B. 4 giờ 10 phút C. 14 giờ 20 phút D. 2 giờ 04 phút

Câu 8: Viết đơn vị đo thích hợp vào chỗ chấm:



Bí ngô cân nặng 2.....



Dâu tây cân nặng 10.....

B. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 9: Tính giá trị của biểu thức.

a) $24\,368 + 15\,339 : 3$

=

=

b) $45\,000 : 9 \times 2$

=

=

Câu 10: Đặt tính rồi tính:

a) $13\,548 + 2\,408$

b) $59\,653 - 28\,120$

c) $10\,312 \times 3$

d) $38\,457 : 9$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11: Giá vé vào khu vui chơi dành cho trẻ em là 30 000 đồng. Giá vé người lớn gấp 2 lần giá vé trẻ em. Hỏi nếu bố muốn dắt Mai vào khu vui chơi thì phải trả tất cả bao nhiêu tiền vé?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12: Tìm hiệu của số lớn nhất có bốn chữ số và số nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau.

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 48**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026**

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $50\ 000 + 30\ 000 = \dots\dots\dots$

A. 80 000 B. 20 000 C. 53 000 D. 35 000

Câu 2. Số 4193 làm tròn đến chữ số hàng trăm, ta được số:

A. 4 100 B. 4 200 C. 4 190 D. 5 000

Câu 3. Bốn bạn Lan, Liên, Hoa, Hà có cân nặng theo thứ tự là 32kg, 35kg, 42kg, 34kg. Dựa vào số liệu trên, điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

Bạn nặng nhất. Bạn nhẹ nhất và hai bạn này hơn kém nhau kg

Câu 4. Thứ Ba tuần trước là ngày 12 tháng 4. Nếu hôm nay là **thứ Năm**, hãy cho biết **hôm nay là ngày bao nhiêu?** Biết rằng một tuần có 7 ngày.

A. Thứ Năm, ngày 20 tháng 4 B. Thứ Năm, ngày 21 tháng 4
C. Thứ Năm, ngày 22 tháng 4 D. Thứ ba, ngày 23 tháng 4

Câu 5. Một hình vuông có cạnh 9 cm. Diện tích của hình vuông đó là:

A. 18cm^2 B. 8cm^2 C. 80cm^2 D. 81cm^2

Câu 6. Linh được bố cho 25 000 đồng, mẹ cho 26 000 đồng để đi dã ngoại cùng lớp. Hãy xem mệnh giá của từng đồ vật sau và điền các từ **có thể**, **không thể**, **chắc chắn** vào chỗ chấm trong các câu dưới đây:



ng ngô

Gấu bông

Kẹo bông

Vòng tay

Bánh kem

15 000 đồng

70 000 đồng

10 000 đồng

25 000 đồng

24 000 đồng

- Linh mua được vòng tay.

- Linh..... mua được gấu bông và vòng tay.

Câu 7. Tích của hai số là 6 784. Biết số thứ hai là 4. Vậy thừa số thứ nhất là:

- A. 27 136 B. 25 136 C. 1 996 D. 1 696

II. TỰ LUẬN

Câu 8. Đặt tính rồi tính?

$$74325 + 12358$$

$$75021 - 1816$$

$$10\,462 \times 4$$

$$72064 : 8$$

.....

.....

.....

.....

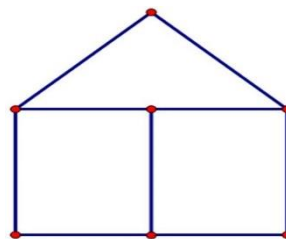
.....

.....

Câu 9. Cho hình vẽ

a) Hình bên có hình vuông.

Hình bên có hình chữ nhật.



b) Hình trên có góc vuông.

Câu 10. Một người có 82 kg gạo. Sau khi bán 22 kg gạo, người đó chia đều số gạo còn lại vào 6 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Tính bằng cách thuận tiện?

$$(7 \times 6 - 42) : (21 + 22 + 23 + 24 + 25)$$

.....

.....

.....

ĐỀ 49**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3****Năm học: 2025 - 2026**

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.**Câu 1.** Số 12 được viết dưới dạng chữ số la mã ta được số nào?

A. IX

B. XI

C. XII

D. X

Câu 2. Làm tròn số 75 780 đến hàng nghìn được số nào?

A. 75 000

B. 76 000

C. 75 700

D. 75 800

Câu 3. Điền số thích hợp vào ô trống?a) 4 kg = gb) 3 giờ = phút**Câu 4.** Cho các số: 32460; 6032; 9846; 62302. Các số theo thứ tự từ bé đến lớn là?

A. 32460; 6032; 9846; 62302.

B. 6032; 9846; 62302; 32460.

C. 6032; 9846; 32460; 62302.

D. 9846; 32460; 62302; 6032.

Câu 5. Số gồm: 5 chục nghìn, 8 trăm, 6 đơn vị viết là:**Câu 6.** Điền số thích hợp vào ô trống? : 4 = 1 234 dư 3**Câu 7.** Cho dãy số 9117, 9115, 9113,... Số thứ năm của dãy số là?

A. 9105

B. 9107

C. 9109

D. 9111

Câu 8. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

Trong túi tiền có 3 đồng xu ghi số 2, số 5 và số 10. Rô-bốt không nhìn vào túi và lấy ra hai đồng xu.

a) Rô - bốt không thể lấy được đồng xu ghi số 1. b) Rô - bốt chắc chắn lấy được hai đồng xu ghi số 5 và ghi số 10. **II. TỰ LUẬN****Câu 9.** Đặt tính rồi tính?

14 428 + 1357

15 783 – 12 568

21 253 x 3

16 572 : 4

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Một miếng bìa hình chữ nhật có diện tích 36 cm^2 , chiều dài là 9 cm . Tính chu vi miếng bìa đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Tính giá trị của biểu thức?

a) $5\,128 \times 8 + 1\,723$

b) $2\,363 + (18\,573 + 3\,421)$

.....

.....

Câu 12.

a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

 =  +  +  +  + 

 -  = 40 000 đồng

 = đồng

 = đồng

b) Viết chữ số thích hợp vào ô trống được phép tính đúng.

$$\begin{array}{r}
 8 \quad \square \quad 4 \quad 6 \quad 5 \\
 + \\
 3 \quad \square \quad 7 \quad \square \\
 \hline
 \square \quad 2 \quad 8 \quad \square \quad 7
 \end{array}$$

ĐỀ 50
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2 Môn: Toán – Lớp 3
Năm học: 2025 - 2026
(Thời gian làm bài: 40 phút)

Họ tên HS: Lớp:

Điểm	Nhận xét

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1: Số 10 được viết dưới dạng số la mã là:

- A. IX B. XI C. XII D. X

Câu 2: Số 5 098 được viết làm tròn nghìn là:

- A. 5 098 B. 5 000 C. 6 000 D. 4 000

Câu 3: Viết số thích hợp viết vào chỗ chấm:

- a. 3m 6dm =dm b. 21km =m

Câu 4: Các số 48617; 47861; 48716; 47816 sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 48 617; 48 716; 47 861; 47 816 B. 48 716; 48 617; 47 861; 47 816
C. 47 816; 47 861; 48 617; 48 716 D. 48 617; 48 716; 47 816; 47 861

Câu 5: Số 7 chục nghìn, 6 trăm, 5 đơn vị viết là:.....

Câu 6: Điền số thích hợp vào ô trống

--

 : 3 = 21 227

Câu 7: Cho dãy số 9 117, 9 115,, 9 109. Số thứ ba của dãy số đã cho là:

- A. 9 105 B. 9 107 C. 9 111 D. 9 113

Câu 8. Tung một con xúc xắc gồm 6 mặt (1 chấm, 2 chấm, 3 chấm, 4 chấm, 5 chấm, 6 chấm) một lần. Mặt trên của xúc xắc xuất hiện mặt 4 chấm.

- A. Có thể B. Chắc chắn C. Không thể

II. TỰ LUẬN

Câu 9: Đặt tính rồi tính:

28 574 + 46391 83 752 - 6419 15 208 x 3 16 572 : 4

.....

Câu 10: Một quyển sổ tay hình chữ nhật có diện tích 45cm^2 , chiều rộng là 5cm . Tính chu vi quyển sổ tay đó.

.....

Câu 11: Tính giá trị của biểu thức:

a) $5\,000 \times 7 + 2\,723$

.....

b) $2\,363 + (13\,573 + 2\,421)$

.....

Câu 12:a. Điền số thích hợp vào dấu hỏi chấm:

b. Tìm chữ số thích hợp:

 +  +  = 7500

 +  +  = 5100

 -  = 800

 = ?  = ?  = ?

8 4 6 5

3 7

2 8 7